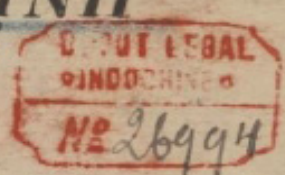
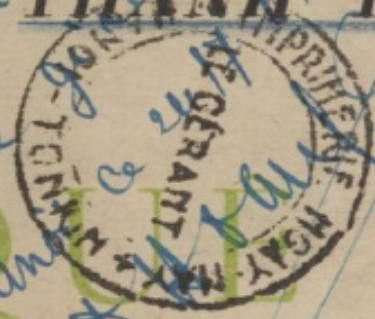


2.
Bị rớt 207000
Infri meile ngay nay
Le
Hàng & 24/11/11

about 60

THÀNH TÍNH



QUÊ MÈ

TRUYỀN NGẮN

TỰA CỦA THẠCH LAM



ĐỜ1 NAY

510

TÔI ĐI HỌC

THANH TỊNH

@TIEULUN 2024

MỤC LỤC

TỰA	5
QUÊ MẸ	8
BẾN NÚA	18
CHÚ TÔI	30
CHUYẾN XE CUỐI NĂM	39
RA LÀNG	45
TÌNH THƯ	59
CON ÔNG HOÀNG	73
QUÊ BẠN	79
MỘT LÀNG CHẾT	88
TÌNH QUÊ HƯƠNG	94
TÌNH TRONG CÂU HÁT	105
TÔI ĐI HỌC	113
BÊN CON ĐƯỜNG SẮT	119

TỰA

Thanh Tịnh có lẽ là nhà văn đầu tiên ở miền Trung đã trình bày các mối giây liên lạc nối ông với đồng nội quê hương, những giây liên lạc nhẹ nhàng như tơ đồng ngày thu, nhưng không vì thế mà kém phần vương vít và quyến luyến. Gió mùa của cả một vùng làng mạc và đồng ruộng ấy, chúng ta thấy lướt qua trong tác phẩm của ông, trong những truyện ngắn mà hầu hết khung cảnh là lũy tre của một xóm nhỏ, hoặc giòng sông con chảy qua ruộng lúa xanh tươi. Cốt truyện chỉ là những việc xảy ra trong đời thường ngày của các nhân vật vẫn sống trong các làng, bên giải giác theo giọc sông, hoặc đã rời bỏ các nơi ấy đi làm ăn phương xa, nhưng mà trong lòng lúc nào cũng tưởng nhớ cái Tình Quê Hương đắm thắm.

Làng Mỹ-Lý (một dặm đẹp) có lẽ không phải là một làng có thật trên bản đồ. Nhưng mà lại thật hơn, nếu tôi có thể nói thế -, đầy đủ và hoạt động hơn bất cứ một làng nào. Làng Mỹ-Lý có lẽ chỉ là biểu hiệu cho tất cả các làng mạc trong một miền, nhưng cái tài của tác giả đã khiến cho gần gũi và thân mật; chúng ta tưởng đâu như sống đã lâu năm ở trong đó, cùng với người làng tham dự vào các công việc hàng ngày và cùng chia sẻ những nỗi buồn, vui.

6 | Thanh Tịnh

Và chúng ta được chứng kiến những công việc rất thôn quê và mộc mạc. Một ngày gặt lúa, một buổi ra làng, hay một chuyến đồ giọc từ chợ làng Thiện đến đầu làng Viễn-Trình. Những cảm tình cũng giản dị như cuộc đời sống ấy, và chỉ đầy đủ hương vị trong lũy tre hay trên đồng ruộng ấy mà thôi. Có lẽ, linh hồn người ở đây còn nhiều màu sắc khác, trong cuộc sống còn nhiều bi kịch khác, nhưng mà tác giả chỉ tả có cái vẻ êm ả và nên thơ. Tâm hồn ưa thích cái gì vừa đẹp đẽ, vừa nhẹ nhàng, tác giả không lách đi sâu, nhưng dừng lại ở một làn gió, ở một cái thoảng hương thơm của hoa cỏ bốn mùa. Chiều trong Quê Mẹ thực dịu dàng, và bóng trăng trong Quê Bạn cũng hiền lành êm ả. Tình quê hương của cô Thảo là một cái tình man mác và an-nam lắm. Cũng như cái tình yêu trung thành và kín đáo của cô Sương, an phận và nhẫn nại ngay từ trước khi yêu. Và trong những tình đó, có cái gì nhỏ nhỏ, xinh xinh, một cái gì đáng yêu thương khiến chúng ta cảm động ; và chúng ta chú ý lắng nghe cái giọng hò mái đẩy (trong câu truyện hay Tình trong câu hát) ngân dài trên phá Tam Giang, giữa cánh đồng bát ngát và dưới « trời một vùng đêm dài không hạn ». Đó là tiếng nói của những tâm hồn quê mùa kia, bài ca hát của đất nước một miền đồng ruộng, nhờ tác giả mà nhịp điệu và giọng buồn đến thấm thía chúng ta.

Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre thổi sáo để ca hát những đám mây và làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê. Ông có đạt được chẳng cái ý muốn ấy, và tiếng sáo kia có uyển chuyển du dương không, tôi xin để các bạn đọc phán đoán lấy. Tôi chỉ muốn nói rằng trong lúc các nhà văn ta bắt đầu trở về đất nước để gìn giữ các hương hoa, Thanh Tịnh đã cho chúng ta nghe cái tiếng sáo nhỏ và thanh của ông, khẽ nổi lên lẫn với tiếng hò của bạn gặt trên sông để ca ngợi cái tình và cái thi vị của một vùng.

THẠCH LAM

QUÊ MẸ

Chiều chiều ra đứng cửa sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều

(CA DAO)

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm hương thơ ở làng Mỹ-lý. Anh Vận trước kia có theo học chữ quốc ngữ, nhưng đã hai năm thi Yếu-Lược không đậu nên anh ta lại thôi. Qua năm sau dân trong xóm bầu anh ta lên làm hương thơ trong làng. Ngày nào anh cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư rồi chiều đến lại phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện.

Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng - hay nói cho đúng lương năm của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mẫu ruộng và năm đồng bạc để làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức việc đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Nhưng ở vùng quê, được một chức nghiệp như thế, anh Vận cũng cho là danh giá lắm. Và bà Lại, mẹ anh Vận, lúc nói chuyện với những người quen, cũng không quên tự hào được một người con ra đảm đương việc làng việc nước.

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào sáu mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

Chiều hôm ấy lúc thoáng thấy bóng chồng đi về đến cổng, cô Thảo liền vội vàng ẵm con ra sân để đón. Thấy anh Vận ra dáng mệt nhọc nên cô ta chưa dám hỏi gì hết. Vào tới sân anh Vận liền đến ngồi trên cái chõng. Cô Thảo để con ngồi một bên chồng rồi đột ngột chỉ cây thanh trà bên bờ hè nói khẽ :

- Cây thanh trà mới đầy mà đã có trái rồi cậu ạ.

Anh Vận để con ngồi trên chân, rồi cúi đầu xuống nhìn mặt con dịu lời đáp :

- Thế à. Cây thanh trà ấy trong dáng khô khan không ngờ lại giống tốt.

Cô Thảo ghé ngồi một bên chồng nói tiếp :

- Cây thanh trà ấy tôi đem từ bên nhà qua đây. Mới hai năm đã có trái ăn được kể cũng nhanh thật.

Anh Vận như sực nhớ một việc gì, nhìn vợ hỏi vợ :

- Tôi nhớ ra rồi. Hôm ấy là ngày giỗ ông bên mẹ. Mẹ về làng ăn giỗ rồi đem cây thanh trà ấy qua cho tôi. Tôi cũng quên lúc ấy mẹ đã có thằng Lụn chưa ?

10 | Thanh Tịnh

- Rồi, nhưng nó mới được ba tháng.

- Mà tôi quên giỗ ông nhằm ngày mấy ?

Cô Thảo nhìn chồng mỉm cười :

- Được vài ông rề quý như cậu thì ngày giỗ của nhà tôi cũng không khỏi hương tàn bàn lạnh. Giỗ ông nhằm một ngày dễ nhớ nhất mà cậu cũng quên.

Anh Vận như nhớ lại được, gật đầu lia lịa :

- Thôi tôi nhớ được rồi. Giỗ ông vào tiết Trung-Thu phải không mợ ?

- Không phải, ngày rằm tháng tám.

Anh Vận lớn tiếng cười vang làm cho thằng Lụn cũng phải ngẩng mặt lên nhìn ngơ ngác.

- Rõ ngớ ngẩn như đàn bà. Tiết Trung Thu hay rằm tháng tám có khác gì nhau. Có khác là người hay chữ họ thường gọi tiết Trung Thu còn người... ít hay chữ thì gọi rằm tháng tám...

Cô Thảo nhìn chồng cười mỉm :

- Người hay chữ với lại người ít hay chữ ! Thì cậu cứ nói người dốt với người thông có được không.

Thật ra thì anh Vận cũng có ý nói người hay chữ với người dốt, nhưng lại sợ làm méch lòng vợ.

Anh Vận nhìn ra trước cổng yên lặng. Thăng Lụn cũng muốn tụt xuống đất để đùa với đàn gà con đang đi qua gần đấy. Cô Thảo vào nhà thắp đèn rồi lại trở ra ngồi chỗ cũ. Mảnh trăng trong lúc ấy đã bắt đầu dọi ánh sáng dịu dàng qua hàng tre trước cổng. Trông thấy ánh trăng, anh Vận quay lại hỏi vợ :

- Hôm nay là mấy rồi mà trăng sáng quá.

- Ngày mười ba.

Anh Vận thả hai chân xuống chõng nhìn vợ ngơ ngác:

- Thế ngày mốt là ngày giỗ ông rồi à ? Và ngày mai là ngày mợ phải về làng.

Cô Thảo cúi đầu nhìn xuống đất đáp khẽ :

- Phải.

Anh Vận đưa tay lên gãi đầu :

- Thật tôi vô tình quá. Ngày kỵ đã gần đến mà cũng quên.

Cô Thảo ngồi yên lặng không đáp. Thật ra tối hôm ấy cô muốn xin chồng về làng giỗ ông, nhưng cô không

12 | Thanh Tịnh

muốn nói thẳng. Cô tự nghĩ nhắc chồng ngày giỗ ở nhà mình là một việc chướng lăm. Thật tự nhiên để cho chồng nhớ lại thì hơn. Nhưng mãi đến chiều cũng không nghe chồng nói gì, nên cô phải mượn đến chuyện cây thanh trà để nhắc xa xuôi cho chồng nhớ.

Tối hôm ấy, cơm nước xong xuôi, anh Vận liền đến xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ.

Bà Lại nhìn cô Thảo đang ẵm con đứng tựa bên cột bảo khê :

- Ừ về thì về. Nhưng bên nhà ngày mai giỗ ai mà tôi cũng quên phất đi rồi.

- Thừa mẹ giỗ ông con.

- Thế à.

Nghĩ một lát bà ta nói tiếp :

- Mai mợ chắc phải về làng sớm. Lúc ấy có lẽ tôi cũng chưa dậy. Vậy tối nay mợ ra ngoài vườn cắt một buồng chuối mật - buồng chuối gần bên cái giếng ấy - để về giỗ ông. Năm nay tôi bận việc nhà quá, chắc qua không được. Thôi nhờ trời năm khác.

Nói xong bà Lại lách bàn tay vào túi yếm lấy ra một hào xu rồi đưa cho cô Thảo.

- Thôi cho mượn một hào để đi dò. Và nhớ chớ để em ngồi nhìn xuống mặt nước.

Cô Thảo vội vàng đỡ con xuống, đưa hai tay nhận tiền tỏ ra vẻ sung sướng lắm.

Trước khi đi ngủ anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này chỗ khác cho cô Thảo thêm bốn hào nữa.

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chõng xong lại lật đặt xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới. Xong rồi cô mới qua bên nhà cô Thị mượn đôi hoa tai vàng và cái nón lá mới. Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sớm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ-lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. Xưa kia cô từng qua lại làng Mỹ-lý ngày một để bán gạo, nhưng sau lúc cô ra lấy chõng thì quê nhà đối với cô đã là nơi xa lạ.

Qua những con đường mòn chạy nấp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước. Trong trí cô hiện ra lần lần hình ảnh của cô Thu, cô Nguyệt, cô Hương, những cô bạn mà trước kia cô cho

là thân nhất.

Nhưng đời các cô ấy cũng như cô, nghĩa là cũng có chồng, có con và quãng đời làm dâu cũng vất vả, cũng phẳng bằng như nhau hết.

Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi dò cho đỡ chân, nhưng sức nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

Qua khỏi đầu làng Duyên-Hải thì cô Thảo gặp cô Đài, người bạn cùng làng thường chơi với cô ngày trước. Cô Thảo nhờ cô bạn gánh hộ buồng chuối mật và mấy gói bánh mua bên chợ Kỳ-Lâm. Cô Đài vui vẻ nhận lời ngay. Vào quán nước ở gần đấy nghỉ một chốc, hai cô lại cùng nhau lên đường chuyện trò không ngớt.

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở. Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đàng xa đã kêu réo lên om sòm như gặp được người sống lại. Họ hỏi thăm cô chuyện này chuyện khác, mục đích là để xem cô ăn mặc độ này có khá hơn trước không. Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vồn vã nên đáp lại rất vui vẻ. Cô ta không quên lấy cái nón xuống, giả vờ quạt vào mình để mấy người đứng chung quanh được thấy đôi hoa tai vàng của cô.

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. mấy cậu em đua nhau ra nín áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cầm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rung rung nước mắt. Một lúc sau cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quần quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết. Sung sướng nhất là cô gái có chồng về nhà mẹ. Cô Thảo tuy về giỗ ông nhưng không làm gì hết. Cô vào phòng mẹ nằm ngủ cả buổi chiều mãi đến lúc gần cúng cô mới chịu đi ra ngoài.

Lúc cô đứng lễ thì ông Vạn, thân sinh cô, vuốt râu cười nói :

- Còn phải lễ thế phần chồng con nữa. Nó làm gì bên ấy mà không qua.

Cô Thảo sau khi đi thụt lùi ra khỏi chiếu mới khẽ đáp:

- Dạ, nhà con mắc việc quan.

Cô Khuê, chị em chú bác với cô Thảo, đứng gần đây

16 | Thanh Tịnh

trẻ môi nói tiếp :

- Thứ đồ làm Hương thơm mỗi năm ăn ba mẫu ruộng mà cũng gọi là việc quan.

Ai nấy đều nghe thấy nhưng không ai cãi lại. Ông Vạn đứng cúi đầu xuống hơi ngượng. Còn cô Thảo gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp. Nhưng ngay lúc ấy cô lại gặp cặp mắt của Mẹ đang nhìn cô chòng chọc. Cô đau lòng quá đến để hai giòng lệ chảy dài trên má.

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ-Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng, cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp áo quần mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra hai cặp áo quần ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm.

Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

Về nhà chồng cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tắm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại buồn ngủi, trí cô lại bận rộn.

Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rồi, cô lại ra đứng cửa sau vợ vẫn nhìn về làng Quận Lão. Nhưng làng Quận-Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

BẾN NÚA

Xem chợ lá làng Thiên. Trời mưa tầm tã. Trước khi cho thuyền rời khỏi bến, cô Phương còn nhìn lên bờ hỏi lớn :

- Ai về Viễn-Trình thì xuống mà về.

Tiếng cô lạc mất trong tiếng mưa rì rào của buổi chiều tàn buồn bã. Hôm ấy thuyền cô vắng khách. Cô đã cho thuyền đậu thêm một giờ nữa, nhưng người về vẫn không thấy một ai.

Cô lái đò liền đổ sào gác trên mũi rồi từ từ cho thuyền quay lại. Ngay lúc ấy một cụ già hấp tấp chạy xuống bờ sông đưa chiếc dù lên cao gọi lớn :

- Cô Phương ghé thuyền cho tôi về với.

Phương kéo nghiêng chiếc nón lá, nhìn lên bờ qua những giò mưa chi chít :

- Cụ Uẩn đấy à ? Cháu tưởng cụ chiều mai mới về.

Vừa nói Phương vừa cho thuyền quay mũi vào bờ. Cụ Uẩn xách đôi giày hạ trên tay, lội ra khỏi bờ chừng năm bước. Lúc thấy mũi thuyền gần cận vào bờ, cụ Uẩn liền đưa một tay giữ lại. Đoạn cụ bước lên thuyền rồi vội vàng chui vào trong mũi.

Tiếng cô Phương đằng sau lái nói :

- CỤ cởi áo ướt vắt trên đây. Để nước mưa thấm vào người độc lắm.

Tiếng nước mưa xối mạnh trên mũi làm át cả tiếng cô Phương. Cụ Uẩn không nghe rõ nên nhìn ra sau lái hỏi :

- Cô Phương hỏi gì ?

Phương nhìn vào mũi thấy cụ Uẩn cởi áo ra rồi nên nói tiếp :

- CỤ xem giùm thắng Nghển của cháu nó đã ngủ chưa.

Tiếng cụ Uẩn trong mũi đáp ra :

- Rồi.

Phương lẳng lặng đưa mái chèo đẩy đều đều trên mặt nước. Thỉnh thoảng cô lại đưa tay vuốt mấy giòong mưa chảy tràn trên mặt. Phương vừa chèo vừa nhìn lên hai bên bờ để hy-vọng vài người khách chậm chạp còn đuổi theo thuyền cô. Nhưng sau lũy tre cao ngọn, cô ta chỉ nom thấy vài ngọn đèn xanh đang rung rinh trong bóng nhạt.

Trước đây hơn một năm, Phương cùng chồng làm nghề chở khách từ chợ làng Thiên đến làng Viễn-Trình. Hai làng cách xa nhau trên bốn mươi cây số. Lệ thường

20 | Thanh Tịnh

cứ đến chiều dỏ sào, thì sáng mai vào khoảng tám giờ, thuyền đã đến làng Viễn-Trình. Làng Viễn-Trình ở gần biển, nên dân trong làng thường đem cá tôm lên chợ Thiên bán.

Tất cả gia tài của hai vợ chồng Phương là một chiếc thuyền rộng ba mui, và đầu được ba bốn chục bạc. Lấy nhau được một năm thì Phương sinh thằng Nghên. Mỗi lần ẵm Nghên trên tay, chồng Phương thường tươi cười nói với vợ :

- Thằng Nghên là cục vàng biết nói của tôi đây, mợ ạ.

Phương nhìn con, nhìn chồng, rồi một giọng ngây thơ nói sẽ :

- Cậu nói làm tôi nhớ hồi còn đi học, thầy giáo có bắt tôi học bài : Gà đẻ trứng vàng.

Chồng Phương âu yếm nhìn vợ rồi tự nhiên cười sung sướng.

Qua mùa đông năm sau, chồng Phương mang bệnh thương hàn rồi từ trần. Nghên lúc ấy mới hơn hai tuổi.

Theo nghề của chồng xưa, Phương lại một mình đưa thuyền qua ngày tháng.

Trời sẩm tối. Thuyền của Phương đến đầu làng Mỹ-lý thì trời tạnh mưa. Xa xa bên chân đồng làng Duyên Hải,

đám mây đen dày đặc đã nứt nở ra dần, để lộ một thứ ánh sáng xanh dờn của mảnh trăng cuối thu. Phương vừa chèo vừa cất giọng hò lạnh lẽo :

Đi đâu cho thiếp theo cùng,
Đói no thiếp chịu lạnh lòng thiếp theo.

Phương tự nhiên cảm thấy lòng lạnh lẽo và buồn man mác. Cụ Uẩn ngồi trong mui, với một giọng ngái ngủ hỏi sẽ :

- Cô Phương ơi ! Thuyền đã đến đâu rồi cô nhỉ ?

Phương nhìn lên đám lách um tùm hai bên bờ sông rồi đáp :

- Đến làng Đồng Yên rồi cụ ạ.

- Thật cô chèo mau quá.

Nghền nghe có tiếng động tự nhiên lồm cồm ngồi dậy khóc. Cụ Uẩn dỗ ngon dỗ ngọt một hồi lâu cũng không được. Cụ liền mặc thêm áo rồi bước ra sau lái nói với Phương :

- Thôi cô vào ấm cháu ngủ đi. Để tôi chèo cho.

Cô Phương còn dùng dằng chưa chịu nghe :

- Ai lại để cụ chèo.

22 | Thanh Tịnh

Trong mui tiếng Nghên lại khóc thét lên. Cụ Uẩn giục:

- Cô đưa tay chèo cho tôi. Tôi tuy già nhưng trai tráng chưa chắc đã chèo kịp tôi. P

hương biết từ chối cũng không được, nên đưa chèo cho cụ Uẩn.

Nghên thấy bóng mẹ đi vào thì khóc già, hơn trước. Phương ẵm con trong lòng nói sẽ :

- Thôi con ngủ đi về đến làng Viên-Trình mẹ sẽ mua kẹo cho con.

Nghên được thể quay đầu vào ngực mẹ khóc lớn :

- Con không ăn kẹo.

Phương đưa tay vỗ nhẹ vào lưng con :

- Thế con muốn gì ?

Nghên mếu máo :

- Thầy con đâu ?

Rồi như mọi ngày, lúc nghe con hỏi đến cha, Phương lại nói dối :

- Thầy qua chợ Sinh mua áo tốt cho con.

Nghեն lại vùng vằng đầu nững nịu :

- Con không cần áo tốt. Thầy con đâu ?

Lệ thường đến lúc này, túng lắm, Phương mượn một người khách trong thuyền vò làm « thầy » để dối con. Lúc ấy Nghեն mới chịu ngủ yên bên người cha già. Nhưng hôm ấy thuyền vắng khách, quanh quẩn chỉ một mình cụ Uẩn và Phương. Phương đang lúng túng chưa biết tìm kế gì, thì Nghեն đã khóc lớn :

- Thầy con đâu ?

Phương kiên nhẫn dỗ con :

- Con nín đi. Mợ gọi thầy về đây.

Đưa đầu ra ngoài mui, Phương gọi lớn :

- Thầy nó đã về chưa. Mau xuống thuyền chẳg thẳng Nghեն không chịu ngủ.

Trong bóng tối của lũy tre xanh chạy dài theo bên Nứa, tự nhiên có tiếng người đáp :

- Tôi về đây. Ghé thuyền cho tôi về với.

Phương đang phân vân chưa biết người ta nói đùa hay nói thật, thì cụ Uẩn đã từ từ cho quay mũi vào bến.

24 | Thanh Tịnh

Một người vận âu phục, nhanh nhẹn xách va-li bước xuống thuyền :

- Đâu, Nghề của tôi đâu ? Sao nó lại không chịu ngủ.

Phương thấy người khách thì giật mình bẽn lễn :

- Cậu Thảo đi đâu mà về khuya thế ?

Thảo cũng vừa thấy Phương nên cúi đầu đáp ứng :

- Đò của cô mà tôi tưởng của ai.

Nghĩ một lát, Thảo nói tiếp :

- Tôi vừa xuống ga Mỹ-Lâm về đây. Tôi về thăm thầy mẹ tôi.

Cụ Uẩn thông thả cho thuyền ra khỏi bờ rồi chèo xuôi theo giòng nước. Mảnh trăng hạ tuần rây bụi vàng, trên quãng đồng lúa rộng. Phương ẩm con ra ngồi trước mũi, gương mặt tự nhiên ửng hồng và đẹp một cách lộng lẫy.

Tiếng nước reo hai bên mạn thuyền nghe nhẹ và êm. Nghênh ngược mắt nhìn Thảo một hồi khá lâu rồi thở thê:

- Đây là thầy phải không mợ ?

Phương nhìn ra sông đáp sẽ, giọng ngượng ngập :

- Vâng.

Nghễn đưa mắt trôn tráo nhìn Thảo nói tiếp :

- Thế sao thầy không ẵm con ?

Không đề Nghễn nói hết câu, Thảo đưa hai tay cất Nghễn lên rồi vụng về ẵm vào lòng. Nghễn sung sướng reo lớn :

- Thầy mua kẹo cho con đâu ?

Thảo cúi xuống mở va li rồi đưa cho Nghễn một gói kẹo tây.

- Kẹo cho con đây.

Lúc nói đến chữ con, lòng Thảo tự nhiên nghe êm êm một cách lạ. Phương nói lảng qua chuyện khác :

- Độ này thầy làm ở đâu ?

Thảo quay lại đáp :

- Tôi làm ở sở Hỏa-xa. Hôm nay được mấy ngày nghỉ nên định về thăm nhà.

Nghễn vừa ăn kẹo vừa nhìn đàn đom đóm lập lòe hai bên bờ sông.

26 | Thanh Tịnh

Phương đứng dậy quay đầu nhìn phía lái hỏi :

- Cụ Uẩn đã nhọc chưa. Để cháu ra chèo thay cụ. Nghênh đưa tay nắm chéo áo mẹ năn nỉ :

Mẹ đừng ra chèo. Mẹ ngồi với thầy với con.

Phương cúi đầu nhìn xuống sàn thuyền, hai má đỏ như gấc. Dưới ánh trăng, gương mặt của Phương trông hồng hồng tươi xinh như bằng sáp. Lòng Thảo hồi hộp sẽ như cánh bướm.

Đằng lái tiếng cụ Uẩn đáp lớn :

- Nước chảy xuôi nên chèo không mỏi. Lúc nào cháu Nghênh ngủ sẽ hay.

Nghênh nhìn về phía sau lái hí hửng :

- Tiếng ai đẩy mợ ?

Phương xoa đầu con :

- Tiếng cụ Uẩn.

Nghênh ngược mắt đăm đăm nhìn Thảo :

- Con sợ cụ Uẩn lắm.

Thảo tươi cười :

- Tại sao... con sợ ?

Nghễn nói nhanh không suy nghĩ :

- Vì cụ ấy có râu.

Thảo nhìn Phương mỉm cười.

Tuy người giả vờ làm thầy Nghễn mỗi ngày mỗi khác, nhưng Nghễn chỉ hơi ngạc nhiên một chút rồi quen ngay. Vì những người ấy, người nào cũng biết vuốt ve Nghễn, và nhất là biết cho Nghễn quà bánh. Trước kia Nghễn hỏi đến thầy là vì nhớ. Chứ lâu nay, Nghễn hỏi thầy là cốt để hỏi quà bánh thôi. Nghễn thấy Thảo ăn mặc sang lại vui vẻ nên thích lắm.

Con thuyền từ từ lướt nhẹ trên mặt nước, êm đềm như cái bóng. Thấy thuyền đến, vài con ngan đang lội trên sông bỗng đập cánh bay thẳng vào trong mấy hàng cây đen tối. Nước rây xuống như mưa.

Thảo cầm bàn tay xinh xắn của Nghễn trong tay mình rồi mỉm cười nhìn Nghễn đang cố gắng rút tay ra.

Phương chống cằm vợ vẫn nhìn mấy thửa ruộng chạy dài hai bên bờ sông, lòng hơi thốn thức. Phương cũng không hiểu tại sao, tối hôm nay lòng Phương lại rạo rức tê mê như đồng tro tàn men hơi lửa.

Mặt trăng lúc ấy đã lặn hình trong đám mây đen.

Màu xanh lam của màn sương bụi tỏa hai bên bờ sông đã biến ra màu xanh bạc. Bầu trời có vẻ nặng nề hơn trước.

Nghễn tự nhiên nắm tay mẹ rồi từ từ kéo mạnh. Một lát sau, Phương cảm thấy Nghễn đang đặt tay mình trên da tay một người khác. Phương rung mình, toàn người run sề, hơi thở mạnh và không đều.

Phương không dám quay mình lại. Nghễn nói lớn :

- Đây, mẹ mở giùm mấy ngón tay của thầy để con kéo tay con ra.

Thảo cảm phải hơi lạnh ở da tay Phương truyền qua tay mình, nên toàn người nóng bừng, tay chân run nhẹ. Thảo như người bị thôi miên. Thảo thả bàn tay Nghễn ra rồi nắm bàn tay dịu mát của Phương. Phương cúi đầu nhìn xuống mặt nước, hai má đỏ bừng. Nghễn trằm hai bàn tay nhỏ xíu của mình ngoài bàn tay Thảo rồi nói lớn :

- Thầy giữ chặt lấy. Đừng thả ra.

Thảo sợ cụ Uân nghe được nên quay lại hỏi :

- Tiếng chuông chùa nào đây cụ Uân ?

Thảo vừa nói dứt lời, một tiếng chuông chùa đã dịu dặt thả giữa không trung một tiếng ngân dài não nuột.

Cụ Uẩn che tay ngang trán nhìn mông ra xa rồi đáp :

- Tiếng chuông chùa Đồng Tâm.

Phương quay lại nhìn Thảo, hai người nhìn nhau mỉm cười rồi cùng đưa mắt nhìn giòng sông sắp uốn mình trước mặt.

Năm qua, ngày tháng qua. Nghên đã khôn lớn và không hỏi thầy như trước nữa. Nhưng giữa đêm khuya, mỗi lần chèo thuyền qua bến Nứa, Phương lại cất tiếng hỏi : Ai về Viễn-Trình thì xuống mà về. Nhưng đêm nào cũng như đêm nào, đáp lời Phương, chỉ có tiếng chuông chùa Đồng-Tâm ngân dài trên mặt nước.

CHÚ TÔI

Tôi còn nhớ rõ ràng, tối hôm ấy là một đêm trăng về cuối hạ. Chúng tôi đang ngồi học trong nhà, thì, chú tôi nhân đi tỉnh về, ghé lại thăm.

Thấy em gái tôi ngồi nghe nga học chữ Hán, chú tôi đến đứng gần bên bàn, mỉm cười, nhìn nó chòng chọc. Nghe nó học, chú tôi đưa mấy ngón tay thon thon mỏng dài, thông thả vuốt chải chòm râu xuống ra vẻ đắc ý lắm.

Nhưng em tôi thì hẳn không đắc ý chút nào, vì chữ nho là thứ chữ xưa nay nó vẫn sợ. Theo ý nó cũng như theo ý tôi về thời bây giờ, thì người ta bắt chúng tôi học chữ nho là làm một việc hoàn toàn vô ích. Chữ nho khó học cũng như khó hiểu, và chỉ đem lại những sự rắc rối thêm cho đời học sinh chúng tôi.

Nhưng mỗi lần nghe thầy dạy học bàn giải những nghĩa thâm thúy của nó thì chúng tôi lại đâm ra ngờ vực. Dầu sao, chúng tôi vẫn đồng lòng khinh và sợ những buổi học ác nghiệt nặng nề kia. Không mấy khi trong giờ chữ nho anh em tôi đọc thuộc bài. Tôi thì nhanh trí, lồm bồm còn đọc được vài ba chữ, chứ em tôi thì đứng ngậm câm ra đó như pho tượng.

Những ngón thước quá thẳng tay của thầy Thiện đã bắt em tôi ghét luôn cả thầy lẫn chữ của thầy dạy nữa.

Nó thường gọi thầy Thiện là một ông ác thần râu quạp. Và một hôm trước mặt học trò nó còn dám cả gan gọi thầy ta là ông đồ gàn. Tôi còn nhớ một hôm tan buổi học chiều, nó hớn hờ tìm đến tôi và nhí nhảnh bảo tôi rằng :

« Anh Thanh a, thầy dạy chữ hán tên Thiện những kỳ thật thì ác lắm. Mà ác hơn thầy Thiện thì không phải một thầy tên là ác mà chính là ông thanh tra tên Le Bon. Anh có biết không, sau khi đến viếng lớp anh thì ông ta lại vào lớp em với ông đốc trường Mỹ lý. Gặp thầy Thiện ông ta liền ân cần hỏi ngay bằng một câu tiếng Pháp : Monsieur, comment vous appelez-vous ? ¹

Không ngần ngại, thầy Thiện liền chấp tay cung kính trả lời :

J'ai Thiện. ²

Thế là muốn tránh cơn tức cười, ông thanh tra phải vội vàng đi thật nhanh qua lớp khác.

1 Thừa ông, tên ông là gì ?

2 Tôi có Thiện (ý ông ta muốn trả lời : « Là Thiện », nhưng nói tiếng Pháp không thành.

Em tôi và tôi hờn chữ Hán bao nhiêu thì chú tôi lại thờ chữ ấy bấy nhiêu. Dùng đến chữ « thờ » để tỏ lòng chú tôi yêu quý nó, tưởng cũng không quá đáng. Vì chú tôi đã lẩm lẩn tỏ ra vẻ thờ nó thật. Chẳng vậy mà chú tôi lại đi rửa mặt, mặc áo đen dài trước khi đọc đến chữ Hán. Hay mỗi lần vô ý làm rơi quyển sổ chữ Hán xuống đất chú tôi lại lật đật cúi lượm lên, rồi kính cẩn đội lên trên đầu gần vài phút.

Những cử chỉ ấy tưởng cũng không lạ lắm. Vì chú tôi là một nhà thâm nho lỗ vận. Cũng như các nhà hủ nho khác, chú tôi ghét bọn tây học vô cùng. Chú tôi bảo bọn trai theo tây học sau này chỉ tổ bất hiếu. Chú tôi còn mĩa mai bảo văn chữ tây như b (bê) q (cu), k (ca), h (hát), hay n (anh) m (em) là một thứ văn khi đọc lên thì không cao thượng chút nào cả. Ý hẩn chú tôi lại muốn nói văn chương Pháp chỉ quanh quẩn trong nghề ca hát (k, h) trong đạo anh em (n, m) chứ không có gì ca siêu hơn nữa. Về vấn đề này chú tôi đã lẩm lẩn cãi lý với cha tôi rất kịch liệt. Chú tôi bảo :

« Anh cho thằng Thanh đi học chữ tây thì sau này không khéo nó lại xách lư hương nhà ta đi bán mất. Thì nhà tây có bàn thờ đâu mà bảo nó để lư hương ông bà nó lại.

« Nếu ông anh nghe lời tôi cho nó đi học chữ Hán thì sau này tẻ đi nữa nó cũng ra làm hương làm lý với nước

với làng. Mà tên ông bà trong gia phả lại khỏi phải nhờ ai đọc hộ nữa. Còn gì bất hiểu bằng lúc đem gia phả nhà ta nhờ người khác đọc. Anh nghĩ lại xem, ngòi bút lông mềm mại dịu dàng thì họ lại thay vào ngòi bút sắt. Mà bút sắt chỉ tạo được quân làm giặc, chứ tạo ra người quân tử hiền lương thế nào được ? Ừ, nghĩ cho kỹ tóc trên đầu là máu mủ của cha mẹ, họ còn giang tay cúp phăng đi được nữa là.

« Tôi không hiểu dân trong làng nghĩ thế nào mà cho con đi theo tây học được ? Vì cái gương bất hiếu đã lộ ra trước mắt mà họ không chịu nhìn cho rõ. Không bất hiếu mà bọn tây học dám kêu ông bà chúng nó là « ai ơi! » (aieux) in như lúc chúng kêu một người không bao giờ quen biết.»

Trước bao nhiêu lý luận nghiêm nghị và ương gàn ấy, cha tôi vẫn lẳng lặng mỉm cười, chứ không bao giờ đáp lại.

Lần này có lẽ là lần đầu chú tôi mới ghé lại bên bàn để nghe chúng tôi học. Nghe em tôi đọc lớn mấy chữ Hán, chú tôi ra dáng mừng rỡ lắm.

Chú tôi lần tay trong chiếc bao con đeo trước ngực, lấy cặp kính ra rồi nâng hai cái cọng để trên mép tai rất cẩn thận. Đoạn chú tôi chống tay lên bàn nhìn quyền vở chữ Hán của em tôi đang học.

34 | Thanh Tịnh

- Thầy dạy cháu học chữ Hán tên gì ?

- J'ai Thiện.

Em tôi nói xong liền kê má lên trên quyển sách cười ngặt nghẹo.

- Thế nào ? Thấy cháu họ Ro à ?

Câu hỏi bất ngờ ấy lại làm cho em tôi cười lớn hơn nữa. Không hiểu chuyện gì, chú tôi cũng cất tiếng cười theo, nhưng với một giọng cười đạo mạo nghiêm trang của phần đông người theo nho học.

Một lúc sau, em tôi ngồi khoanh tay trên bàn, giả vờ làm nghiêm rồi nói sẽ :

- Chú ạ, thầy cháu tên Thiện nhưng ác lắm.

- Ủ, thầy thương mới cho roi cho vọt cháu ạ.

- Nếu thầy thương bằng cách ấy thì thà cháu chịu thầy ghét còn hơn.

Muốn nói lảng qua chuyện khác, chú tôi liền thấm nước miếng trên đầu hai ngón tay, rồi vừa lật từng tờ giấy quyển vở chữ Hán vừa khẽ hỏi em tôi :

- Chữ Hán cháu viết hay cháu đồ ?

- Cháu viết đấy.

- Nếu vậy thì cháu viết tốt hơn trước nhiều lắm !
- Chú bảo thế, chứ thầy Thiện thì cứ bảo chữ cháu viết như gà cào.
- Thì ai cũng vậy, đầu có gà cào thì sau mới...
- Mới gì chú ?
- ... Mới phụng múa được.
- Thế người bạn cháu tên Phụng, sao chữ chị ta viết cũng như gà cào ?
- Lý sự như cháu thì ương gàn lắm. Biết nói đến lúc nào mới hết được ! Thôi, này lắng để nghe chú hỏi : Không-Tử viết là nghĩa gì cháu có biết không ?
- Là xừ Không-Tử nói rằng,
- Ấy chết ! Đừng nói đại. Phải gọi ngài là Đức Thánh mới được.
- Vâng, thì Đức Thánh Không-Tử nói rằng.
- Không được kêu tên của ngài, chỉ nói Đức Thánh là đủ rồi. Mà đã Thánh thì phải dùng chữ « dạy » mới nghe được chứ !
- Rõ khô, thế sao người làm sách lại không nói : «Đức Thánh viết »

- Nếu nói Đức Thánh viết thì ai biết là đức Thánh nào. Thôi cháu chờ cái nữa. Dạy sao thì học vậy, con nít mà đòi ngang tài với Thánh Hiền xưa thì chẳng những không phải đạo với « người trên đầu trên cổ » lại còn không nên nữa cháu ạ.

- Thôi được, thì không nên. Nhưng không biết đức Khổng Tử có họ hàng gì với ông Khổng-Minh không ?

- Không, đức Thánh là người nước Lỗ...

Không để chú tôi nói hết câu, em tôi liền láu lỉnh ngắt lời, hỏi :

- Lỗ... là lỗ vốn ấy à, phải không chú ?

Lần này không nén được cơn tức giận đã tràn trề trong lòng, chú tôi liền hậm hực vào nhà lấy dù, rồi trở ra đi thẳng.

Đã hơn ba tuần chú tôi không qua nhà tôi nữa. Ngày nào chú tôi cũng xách dù đi quanh các nhà hàng xóm để khuyên những người lân cận nên cho con đi học chữ Hán. Nhưng đạo Khổng, cũng như chú tôi, đã già rồi, đã khàn hơi rồi, không ai còn chịu mất thì giờ nghe chú tôi giảng giải nữa.

Nói không ai nghe, chú tôi liền mở trường dạy chữ Hán, để quyến rũ con dân trong làng đến học. Nhưng

trường mở cửa đã mấy hôm mà số học sinh vẫn không quá hai người. Mà hai người ấy thì không phải ai lạ, chính là hai đứa con của chú tôi lên mười tuổi. Thấy bọn con nít trong làng đua nhau đi xin học ở trường Mỹ-Lý, chú tôi lại đâm ra ghen ghét. Có một lần, một bọn học trò trường Mỹ-Lý đi ngang qua nhà chú tôi, rồi cất tiếng nhại động học của mấy cậu con. Qua mấy ngày sau chú tôi liền đi qua mấy làng Diệp-Hải, Từ Sơn đề quyền thêm học trò đến học. Nhưng số học trò của chú tôi vẫn như cũ dầu lời hứa sẽ dạy không lấy tiền đã tràn ra khắp huyện. Trái lại trường Mỹ-Lý cuối năm ấy, phải mở rộng thêm hai lớp mới đủ chỗ cho con dân trong làng đến xin học.

Một hôm tôi đến thăm thì thấy nhà chú tôi chật ních cả học trò. Tôi đương còn ngạc nhiên thì chú tôi kêu tôi lại gần rồi mỉm cười sung sướng sẽ bảo : « Đạo Thánh Hiền thì không bao giờ suy đồi được cháu ạ ! » Tôi hiểu biết chú tôi đang tranh cạnh một cách âm thầm với trường Mỹ-Lý. Tiếng học lớn của bọn học trò chữ Hán đã làm cho chú tôi vui vẻ, vì trường Mỹ-Lý vẫn còn thua trường chú tôi về sự ồn ào náo nhiệt. Có một điều rất lạ là học trò trường chú tôi chẳng những khỏi trả tiền thầy, lại được thầy cấp giấy mực để học và luôn cả bữa cơm trưa tại nhà thầy nữa.

Qua tháng sau tôi lại đến thăm, nhưng lần này thì nhà chú tôi hiu quạnh yên tĩnh không huyền não như xưa nữa. Văng vẳng chỉ nghe được mấy tiếng lè nhè của hai đứa con chú tôi ngồi học. Hỏi đến học trò thì chú tôi ngồi ôm đầu gối, thở dài rồi sẽ bảo :

- Chúng nó cũng theo học a, b, rồi cháu ạ.

Nói xong chú tôi liền gục đầu ôm mặt. Thì ra hôm nay tôi mới biết, bọn học trò đông đảo của chủ tôi ngày trước là bọn chăn trâu mà chú tôi đã quyến rũ được ở ngoài đồng làng Quận Mỹ.

CHUYẾN XE CUỐI NĂM

Chuyến xe lửa đêm ra Bắc hôm nay có vẻ hấp tấp vội vàng như người đi trốn nợ. Thỉnh thoảng đầu xe lại thét vội giữa quãng đồng không, xa nghe như hơi thở dài của đêm vắng. Gió ngoài trời thổi vi vút tỏa hơi lạnh khắp mấy toa vắng vẻ. Tâm ngồi dựa mình vào lưng chiếc ghế dài, gác chân lên rương, hai mắt lim dim muốn ngủ. Rải rác trong toa có thêm năm hành khách khác nữa, nhưng họ đã ngủ tự lâu. Tâm thấy giấc ngủ của họ dễ dàng quá mà thêm. Nhưng Tâm cũng không biết làm thế nào để ngủ được. Tâm đã lấy kính đen ra đeo để ánh sáng trong toa đỡ chói, nhưng càng không thấy được cảnh vật chung quanh Tâm càng nghĩ vợ vẫn.

Tâm buồn vì giữa lúc thiên hạ đang nô nức trong gia đình để đón xuân sang, Tâm lại ngồi trong một toa xe lửa lạnh lẽo với chung quanh những gương mặt hững hờ.

Buồn và tủi, Tâm muốn khóc để bao nhiêu nỗi khổ được tuôn ra. Nhưng Tâm vẫn không thể khóc được.

Sau bao nhiêu năm lặn lội trong cảnh làm ăn chật vật Tâm đã cảm thấy lòng mình rần rỗi và nước mắt Tâm không chảy được dễ dàng như xưa. Hôm nay nghe hơi lạnh chạy lồng trong áo và ngoài trời tiếng gió thổi vi vu, Tâm miên man nhớ lại những mảnh đời xa cũ.

Chuyến xe vẫn chạy xiết trên con đường sắt và in những tấm vuông sáng mập mờ trên quảng đồng hoang vắng. Cỏ hai bên đường cúi rạp mình như khiếp sợ trước một sức mạnh oai nghiêm.

Mấy người vùng quê mới vắng nghe tiếng còi đã chạy ra giữa sân nhà đứng ngóng. Lúc thấy xa xa cặp mắt đèn đang khoét bóng đêm dày đặc họ liền lắm bầm: Tàu hỏa đã đến. Thế là mười hai giờ ; thế là đã qua năm khác. Khấp trong thôn mấy tràng pháo chuột lách tách nổ lên một hồi. Hơi pháo đi gần, tiếng pháo đi xa và quuyến luyến đuổi theo con tàu đêm Tết.

Hành khách trong toa đều dụi mắt ngồi dậy. Sự thật họ không ngủ như Tâm đã tưởng. Họ thức và lòng họ cũng thao thức như Tâm.

Hành khách trong chuyến tàu này toàn là những người đã xa lạc gia-đình. Suốt năm họ ăn cơm quán ngủ nhà thuê rồi gần Tết họ lại tìm về quê hương của họ. Họ đến ở tạm ít hôm trong nhà người quen để lại đi và tự hứa thăm sang năm về nữa. Tâm cũng ở trong cảnh ngộ ấy.

Một cụ già tay vẫn giấu trong hai túi áo, nhìn ra cửa sổ xe một lát rồi nói :

- Tiếng pháo giao thừa đã nổ ran rồi đấy.

Tiếng cụ như gieo rơi vào cõi không người. Không ai lên tiếng hưởng ứng. Nhưng lời cụ đã lạc vào tâm hồn những người ngồi chung quanh và bắt họ buồn rầu nghĩ ngợi. Gương mặt người nào cũng thoáng hiện một nét buồn ngẩn lạnh lùng.

Tâm đưa tay kéo vành mũ xuống. Lúc đặt tay lại chỗ cũ Tâm thấy lạnh. Tâm loay hoay tìm lại dáng ngồi ấm áp trước, nhưng không thể được.

Con tàu vẫn thản nhiên chạy giữa cánh đồng hoang.

Năm giờ sớm hôm sau, ánh sáng như đến chúi nhát tất cả vẻ buồn đã sống lại trong lòng Tâm giữa đêm tối. Nắng gieo ngoài nội cỏ, nắng lướt trên giòng sông. Nhìn nắng Tâm thấy lòng vui tươi hơn trước.

Cụ già ngồi bên cạnh Tâm lấy áo điều ra mặc. Mấy hành khách kia cũng tìm nước rửa mặt và choàng thêm áo mới đủ màu. Tâm thấy họ thay đồ mới cũng bắt chước làm theo. Tâm mở rương lấy chiếc « cravate » màu vàng đeo vào cổ và thay cái áo da đen đã bạc màu. Tâm vừa thay áo xong thì người soát vé mở cửa bước vào. Lúc thấy ai nấy đều thò tay vào túi chực tìm vé thì người ấy tươi cười nói vội :

- Xin các ông cứ ngồi yên. Đầu năm tôi đến xin chúc các ông được vạn sự như ý.

Tâm và mấy người trong toa đứng dậy chúc lại.

Nhưng mỗi người nói mỗi câu nên lộn xộn không nghe được câu nào. Người soát vé cúi chào mọi người rồi đi sang toa khác. Tâm đưa mắt nhìn theo và cảm thấy tâm hồn tự dung nao nức.

Cụ già hết chúc người này đến người khác. Họ chúc lẫn nhau và đem mút bánh trong rương mời nhau ăn một cách vui vẻ. Tâm cũng dự vào bữa tiệc con con ấy và Tâm so sánh sự vui trong lòng mình với ánh nắng mùa xuân lạc trên đồng cỏ mới.

Từ toa cuối một thiếu phụ trẻ tuổi dắt đứa con trai lững thững đi lên. Mọi người quay lại nhìn thiếu phụ yên lặng. Thiếu phụ cúi đầu chào rồi mỉm cười nói :

- Chết ! có lẽ cháu là người đầu tiên đến xông rồi.

Cụ già vuốt râu nói tiếp :

- Nhưng nếu cô đến xông trước cũng không hại gì. Vì cô có dẫn theo đứa con trai. Theo tục lệ xưa chúng tôi tin nhà ai được hai mẹ con đến xông lần thứ nhì thì hay lắm. Thiếu phụ tươi cười :

- Nghĩa là như cháu đến xông nhà các bác hiện giờ. Nhưng hay thế nào cụ ?

- Là nhà người ấy được đoàn tụ và nhà người đến xông được vợ chồng hoà hiệp.

Thiếu phụ cúi đầu xuống như để giấu một chút lệ buồn thoáng mở trông mi. Vô tình cụ đã tự mĩa mai người khác. Trên trán cụ nét nhăn khổ bấm mạnh lên trên nét nhăn già.

Một lát sau thiếu phụ tươi tỉnh :

- Các bác cho cháu đến ăn Tết ở đây cho vui. Ở toa cuối không có ai hết.

Cụ già vui vẻ :

- Vâng cứ tự nhiên, nhà chúng tôi cũng như nhà cô.

Cụ già nói giọng thành thật đến như quên mình đang ở trong toa.

Qua ga Mỹ-Lý chuyển xe lửa ra Bắc lại từ ánh sáng mờ mịt của buổi chiều tàn như dẫn mình trong bóng tối mênh mông của cánh đồng bát ngát.

Một gia đình gồm có những người không gia đình đang vui vẻ ăn Tết và đang quay bánh lăn dài trên con đường sắt.

Trời lại sáng. Tâm giật mình tỉnh dậy. Tâm lấy làm lạ là cụ già, thiếu phụ và mấy hành khách kia không còn

trong toa nữa. Tâm ngồi nhớ lại cảnh êm ả của một gia đình tạm chiều hôm qua. Bên lòng Tâm như còn vương lại ít nhiều hương vị của ngày Tết. Tâm say sưa và lòng Tâm bát ngát. Nhưng Tâm còn muốn níu lại trong lòng, hương vị ấy lại dần dần tan mất, Tâm thất vọng. Lòng Tâm lại lạnh như gió ngoài trời đã lạnh.

Tâm bàng hoàng đứng dậy... Cảnh gia đình êm ả chiều hôm qua đối với Tâm đã như một cảnh đoàn viên trong mộng, Tâm không tin có thật. Cũng như Tâm đã sợ không dám tin Tâm có gia đình. Tâm xuống ga Vinh.

RA LÀNG

Năm ấy tôi học lớp nhất trường Mỹ-Lý. Tôi tuy còn ít tuổi, nhưng người tôi độ ấy trong đã cao xồng và bệ vệ lắm. Làng Mỹ-Lý dân cư ít, nên mỗi năm vào kỳ tế thần thì dân trong làng phải ra đình cho đủ. Đó là cái lệ thường năm, nên đến kỳ tế không sức mà ai cũng biết. Có năm muốn đám rước thần được trọng thể, ông Lý lại còn cho đòi cả con dân trên mười lăm tuổi ra làng nữa.

Ra làng đối với tôi hồi ấy là một sự vui thích hiếm có, vì nếu ông Lý không cho đòi, thì chưa chắc tôi đã được tự do ra xem họ tế lễ. Nhưng có ra làng một lần mới biết lắm cái khổ nhục đáng sợ, mà dầu mình giàu tưởng tượng đến đâu cũng không ngờ trước được. Trước hôm tế thần một ngày, ông Lý có ghé lại nhà tôi và ân cần cho gọi tôi ra nói :

- Bác thấy năm nay cháu cũng đã lớn rồi, vậy mai là ngày tế thần, cháu phải ra đình một hôm cho biết. Có ra đình mới biết làng biết nước, biết đại biết khôn, chứ lúc đục luôn trong nhà thì không bao giờ biết khôn được cháu ạ. Vả cháu là học trò thì công việc cháu cũng chỉ thắp hương hầu Thánh hầu Thần là đủ rồi, chứ không ai bắt cháu làm gì nặng đâu mà cháu sợ.

46 | Thanh Tịnh

Nghe ông Lý nói tôi tưởng như lên tiên được, nhưng không dám để lộ nét vui tươi ra ngoài mặt, vì còn sợ cha tôi bảo tôi nhác học định kiếm có đê ở nhà.

Tôi chỉ đứng lặng ngược mắt nhìn cha tôi, ông Lý thì đưa mắt nhìn tôi như muốn dò ý tứ.

Sau lúc uống một hớp nước trà nóng, cha tôi thông thả để chén xuống bàn, dịu dàng bảo tôi :

- Ừ thì năm nay con đã lớn rồi cũng phải ra làng cho biết.... Bác Lý đã có lời dạy thế thì tôi nay con phải tắm rửa cho tinh khiết mới được.

Thấy công việc mình sắp đặt được ổn thỏa, ông Lý liền đứng dậy cáo từ cha tôi rồi xách dù đi qua mấy nhà khác.

Thấy tôi còn đứng bên cạnh bàn chưa chịu đi, cha tôi tưởng tôi không bằng lòng nên quay lại hỏi :

- Thế nào, con không muốn ra làng à ? Có ra làng mới biết người trên kẻ dưới, biết thượng hạ tôn ti được con a. Ngoài cái ích được học khôn lại có cái vinh hạnh ngồi trên dân nữa.

- Ngồi trên dân thế nào được, thật tình con không hiểu.

- Thì thật tình con ngu lắm. Ngồi trên dân nghĩa là được ăn trên ngồi trước dân, có khó gì đâu mà không hiểu. Ngu đến thế mà cũng đòi sang năm đi thi với cử.

Tối hôm ấy tôi phải chạy quanh xóm để mượn một cái khăn. Nhưng không nơi nào có, hay có thì rộng không vừa với đầu tôi. Sau cùng tôi phải lấy liềm cái khăn của bác xã Thuyền, một người thường đến nhờ tôi đọc thư hay viết yết thị.

Khăn của bác ta hơi rộng thật, nhưng tôi định chêm vào phía sau một cái vỏ diêm không, thì chắc cũng vừa được. Nhưng cái khăn lại đầy những chấm trắng tròn chuột khời, trông không khác gì một cái hộp tròn bằng mun khảm cằn. Tôi phải bỏ ngót nửa giờ để lấy mực bôi vào những chấm trắng ấy. Thế là khăn đã đen rồi, chỉ còn áo dài nữa là đủ. Nhưng áo đen dài thì không lo, tôi chỉ mượn chị tôi kết lại mấy cái nút áo vải dù - tôi thường mặc đi học - là được.

Sắp đặt đầu đầy xong xuôi tôi lên giường định đi ngủ thật sớm. Nhưng tiếng mõ đầu làng đưa lại làm tôi giật nẩy mình luôn. Tôi muốn ngủ nhưng không tài nào nhắm mắt được. Tôi trần qua trở lại mãi. Bao nhiêu cảnh rục rờ ngoài đình mà tôi thấy được lúc đi học về đã làm cho tôi rối trí. Tôi tưởng tượng đến vẻ oai nghiêm của thần thánh, vẻ đạo mạo của mấy viên chức sắc trong làng, rồi tôi đâm ra lo sợ. Tôi lại tự nhận mình là một người

quan trọng trong làng, một người đã biết tham dự đến việc tế thần tế thánh, không khác gì - theo ý tôi - một ông quan được dự vào việc triều đình để bàn việc cai trị cả muôn dân. Những ý nghĩ viển vông ấy làm cho tôi sung sướng quá đến ngu quên lúc nào không biết.

Sáng hôm sau tôi đã nghe tiếng trống ở đầu làng đưa đến rất đều và rất chậm. Tôi vươn vai đứng dậy định đến bên bàn sắp sách vở lại để sửa soạn đi học, thì cái khăn nằm gần đấy nhắc tôi nhớ tới câu chuyện ra làng.

Tôi nhìn lại cái khăn để trên bàn rùng mình như bị điện giật. Vì trên mặt khăn mấy con dán ác nghiệt đã khơi thêm mấy lỗ khá lớn nữa. Còn những chấm trắng tôi đã bôi mực cũng không chịu đen toàn vẹn cho, chỉ rải ra trên mặt khăn những chấm lốm đốm màu đen ợt. Có lẽ vì tôi bôi mực trên mấy chấm trắng ấy lúc ban đêm, nên mới trông qua thì tưởng đã đen nháy nhưng kỳ thật thì còn nhạt lắm. Thế là tôi phải mất thêm mười phút để hàn lại mấy chỗ trắng, và phết thêm một lớp mực nữa.

Công chuyện chữa lại cái khăn vừa xong, đồng hồ trên tường đã gõ tám giờ. Chị tôi vào gọi tôi ra ăn cháo, và mỉm cười nói chế tôi một câu rất khó chịu :

- Gọi em lấy lệ thôi, chứ hôm nay thì em thiếu gì xôi thịt ở làng lại phải ăn cháo ở nhà. Chị được như em thì

chị nhin đỏi đến hai hôm trước khi ra đình, vì có vậy mới sẵn bụng nạp xôi thịt được.

Nói xong chị tôi lấy vạt áo trước che miệng cười như nắc nẻ.

Tôi cũng chữa then liêu bằng một câu khôi hài rất nhạt nhưng hiệu nghiệm vô cùng. Câu ấy tuy không dính dáng gì với câu của chị tôi nhưng lại làm cho chị tôi sượng sùng không dám đứng nói kháy với tôi nữa :

- Em được ra làng là chuyện dĩ nhiên. Chứ chị muôn năm cũng không làm gì ra làng được. Nhưng điều ấy không đáng lo lắng. Vì năm nay đã có anh Huân, rể mới của thầy, ra làng thế cho phần chị rồi.

Chị tôi cúi đầu then đỏ cả mặt, đi thật nhanh xuống bếp không dám quay đầu ngó lại nữa.

Ăn cháo xong, tôi gói cái khăn vào một tờ giấy nhật trình rồi theo một đường rất hẻo lánh để đi đến đình.

Đường hẻm dẫn ra đình thì dài lắm và còn nhộp là khác, nhưng đi đường ấy tôi được yên lòng hơn. Dọc đường tôi khỏi sợ gặp thầy giáo hay chúng bạn cùng học một trường. Đi với tôi có những ông già lụ khụ cong mình trên gậy trúc, và những anh chàng trai trẻ, mặt mày đen xám, quần ống thấp ống cao, như quanh năm họ chỉ ở ngoài cảnh bùn lầy nước đọng. Mấy anh

này vừa đi vừa nói đến chuyện làm ăn, cãi nhau om sòm và hăm hè nhau như quân thù địch.

Tiếng thanh la đầu làng đưa lại, như thúc hối, như nạt la làm cho tôi cứ bần khoản mãi. Đi gần đến đình chừng nào thì lòng tôi lại thấy lo sợ hồi hộp chừng nấy. Một mối lo sợ vẫn vơ không nghĩa lý cứ ám ảnh tôi hoài ngay từ lúc tôi nhận thấy mái đình xa xa sau rặng liễu.

Trước khi đi đến đình tôi phải đứng lại sau cái miếu Thần Đá để đội cái khăn lên đầu cho tề chỉnh. Trước kia tôi đã định thêm phía sau khăn một cái vỏ diêm không cho vừa với đầu tôi, nhưng rủi tôi lại quên không đem theo. Tôi phải dành ngồi xếp lại tờ nhật trình. Đoạn lót vòng giấy cong ấy ra phía sau đầu tôi trước khi đội khăn lên. Rồi lấy hết dáng điệu rất tự nhiên - nghĩa là chỉ tự nhiên trong trí tưởng tượng - để đi thẳng vào đình.

Tôi thấy ai cũng đứng lại trông tôi nên tự hổ thẹn và ngượng ngịu quá. Nhưng sau thấy người đi qua đi lại càng lúc càng đông nên dần dần tôi không lo sợ như trước nữa. Tiếng ồn từ trong đình đưa ra, tiếng thanh la từ ngoài sân đưa vào làm huyên náo cả một góc làng tịch mịch. Vì nghe nhiều thứ tiếng quá nên tôi hóa ra can đảm và nhất là bất thiệp với mấy người quen biết.

Nhưng chỉ phiên cái khăn cứ theo nhịp bước của tôi mà trụt dần xuống mãi. Lắm lúc tôi muốn răn cái

đầu của tôi ra để ngăn cái khăn lại, nhưng không hiệu nghiệm gì. Từ lúc ấy tôi thấy ai đầu to, đội khăn vừa vặn, tôi cũng đâm ra thèm muốn. Tôi loay hoay chưa biết nên đi tìm một việc gì để làm hay lại đi ra ngoài bờ ao để xem họ mổ trâu bò như mấy năm còn nhỏ.

Nhưng tôi nghiệm lại công việc của tôi năm nay chắc không như mấy năm trước được. Nghĩ vậy nhưng tôi cũng không biết phải đi làm việc gì. Tôi cũng ra làng như ai nhưng lại không được mấy người đàn anh để ý một cách quá sốt sắng như mấy tên dân khác. Nhưng được họ để ý thì thêm khổ vì họ la và sai không hờ miêng.

Trong đình làng lúc ấy là một nơi các viên chức sắc đầu khấu rất kịch liệt. Không ai chịu nhường tiếng lớn cho ai. Họ nói oang oang và la hét như những người điên tiết. Rồi rốt cuộc ai lớn tiếng mạnh hơn là người ấy có lý, người ấy được dân làng coi là người biết chuyện.

Nghe họ cãi nhau chán quá, tôi lững thững toan đi ra sau đình thì một hồi trống vang lên làm tôi giật mình lật đật chạy ra phía trước. Lúc ấy là lúc dân làng đang sắp sửa rước thần ra miếu Thần Hoàng cách xa đình gần nửa cây số. Tôi lại gần bên hương án chực đi theo sau như những hồi tôi còn nhỏ, thì một người lạ mặt đến đặt tay lên vai tôi rồi nhìn tôi nói sẽ :

- Thiếu một người cầm lòng che hương án, vậy mà phải cầm lòng để hầu thần.

Tôi chưa biết phải xử trí thế nào cho họ biết tôi là một người học trò thì người lạ mặt đã đặt vào hai tay một cái lòng vàng chống sẵn. Tôi tức uất cả người vì còn gì nhục bằng ra làng để cầm lòng hay cầm cờ nữa. Tôi tự trách tôi đã quá tin lời ông Lý nên để dân làng mới khinh miệt cái bằng Sơ-Học-Yếu-Lược của tôi như thế.

Tôi muốn đứng khóc rõ to để cho dân làng biết tôi đang bị người ta làm nhục, nhưng chung quanh tôi toàn là những người mặt rạm da chai nên tôi cũng không buồn nức lên khóc nữa. Tôi định đưa mắt tìm cha tôi để yêu cầu sự che chở thì may quá, tôi lại thấy ông Lý từ đằng xa vác dù đi lại. Tôi lật đật chạy ra cản đường ông ta. Tôi chỉ đưa mắt nhìn ông ta và cầm thẳng cái lòng để tỏ ý bất bình của mình chứ không nói năng gì hết. Chừng ông ta cũng hiểu nên bước lại gần tôi rồi cúi đầu bảo khẽ tôi rằng :

- Cháu còn nhỏ yếu sức, và cái lòng này nặng lắm cháu cầm không nổi đâu. Để bác đổi người cho cháu cầm cái gươm nhẹ và đẹp hơn.

Thế là tôi phải buộc lòng cầm cái gươm gỗ trông không khác gì một vị tướng con hát bộ.

Cầm cái gươm thì thích hơn cầm cái lọng, nhưng cũng không thông thả và sung sướng bằng đi tay không. Tôi liếc thấy thằng Đồng mặc áo thun xanh đứng sau hương án, mà tôi thèm thắm cái phần của nó. Thằng Đồng học thua tôi một lớp nhưng nó giỏi chữ Hán, lại con ông bộ trong làng nên được cử làm văn lễ, sung sướng và thanh nhàn hơn tôi nhiều lắm.

Bắt đầu tôi ghen với nó, sau thấy nó mỉm cười trông tôi một cách kiêu ngạo, nên tôi lại đâm ra thù ghét nó.

Đám rước thần bắt đầu cử hành. Mấy lá cờ ngũ hành đi trước tung theo chiều gió và phe phẩy rộn rã như những lá cờ trên mặt trận. Mùi hương trầm tỏa ra êm dịu đã xóa nhòa lòng ganh ghét của tôi và cho tôi thấy công việc cầm gươm trong đám rước cũng thích thú vô cùng. Tôi bước đều đều theo tiếng trống kèn và không còn thấy ngượng nghịu như trước nữa. Sau đám rước là một lũ con nít hớn hỏ đi theo. Trông mặt đứa nào cũng vui vẻ như nhà chúng nó có kỵ. Còn hai bên đường thì người đứng xem đông đếm không xiết.

Qua khỏi cổng Quan thì tôi bỗng giật mình, vì đám rước sẽ rẽ về xóm Thiện và đi ngang qua trước trường Mỹ-Lý... Tôi lo sợ quá nên điều đình với người cầm gươm đi ngang hàng tôi để đổi chỗ.

Đổi được chỗ tôi cũng hơi yên lòng một chút, thầy và học trò ở trong trường chắc không thể nào thấy tôi được. Nhưng khổ quá, lúc đám rước đi qua trường thì nhằm lúc học trò ra chơi. Trông thấy tôi học trò liền la lên như sấm dậy :

- Lý-Tĩnh, Na-Tra, Na-Tra, Lý Tĩnh...

Chùng chúng muốn bảo tôi là Lý-Toét, nên gọi tôi là Lý-Tĩnh, Na-Tra, tên hai vị tiên trong truyện Phong Thần.

Tôi muốn cắm đầu đi thật nhanh, nhưng đám rước lại đi chậm quá, mãi đến năm phút sau tôi mới hết nghe tiếng « Na-Tra, Lý-Tĩnh » theo đuổi sau tôi.

Qua khỏi trường lòng tôi lại được yên tĩnh như trước. Tôi bỏ từng bước một đều đều theo tiếng trống và luôn luôn liếc qua người bên cạnh để đi cho thẳng hàng. Đến xóm Bàu đám rước phải đi qua những cánh đồng ruộng đường trơn như mỡ.

Xa xa bên kia đồng, dưới bóng một cây bàng cao lớn, cái miếu Thần Hoàng không còn vẻ hoang vu như trước nữa. Bên những cây cò cắm chung quanh miếu, thấp thoáng hơn vài chục bóng người đang đứng chờ đám rước đến.

Xong chuyện cáo Thần, dân làng lục tục kéo nhau đi về đình. Lúc về vắng tiếng trống kèn, không có trật tự, tôi lại thấy ngượng ngùng như trước.

Tôi muốn nhờ người quen cầm hộ cái gươm cho đỡ thẹn, nhưng trông ai cũng không rảnh tay hết. Muốn tránh đi qua trước trường học, tôi phải đi vòng quanh ra phía sau, đường đã nhóp lại dài gấp hai.

Ra đến đường cái tôi lại gặp mấy chị con gái trong làng đi chợ. Tôi thẹn đỏ cả mặt và nóng bừng cả hai tai. Muốn khỏi trơ trẽn, tôi liền quay cái gươm gõ mấy vòng trên tay, nhưng vô ý thế nào lại để cán gươm đánh nhầm cái rổ của chị Cẩm bắn ra thật xa. Tôi muốn đến xin lỗi nhưng ấp úng nói không ra lời, còn chị Cẩm thì e thẹn đứng cúi đầu.

Một chị lên giọng khôi hài bảo tôi :

- Ông tướng hát bộ hôm nay múa gươm vụng về quá. May chị Cẩm đưa khiên ra đỡ kịp không thì đã bỏ mạng rồi.

Nói xong mấy chị khác cười rộ lên làm cho tôi ngượng tưởng đến hóa điên được. Mặc để chị Cẩm tự đi lượm rổ lấy, tôi cầm đầu rảo chân đi một mạch không dám ngoái lui, cũng không dám trông ai đứng hai bên vệ đường nữa.

Về đến đình thì trời đã đứng trưa. Trong đình lúc ấy không huyền ảo như khi mai nữa. Một bầu không khí yên lặng từ tốn đã rải khắp mấy gian đình. Thì ra lúc ấy là lúc các quan viên chức sắc và dân làng đang đánh chén. Họ khề khà nói rất sỗ và rất ít, vì họ chỉ sợ mất thì giờ ngồi nói chuyện gẫu, và sợ nhất là mất những thức ngon nóng hổi sắp trên bàn.

Lắm lúc có người nói rất vô lý nhưng cũng không thấy ai lớn tiếng cãi lại. Bao nhiêu tâm lực họ đều thu vào đôi mắt để tìm thức ăn và để biết gấp đồ ăn ngon trước mọi người.

Những cái thìa gắp nhau trong bát canh, những đôi đũa chạm nhau trên đĩa thịt bò tái, những cái húp ừng ực, những cái nghiêng dẹo dang hợp lại làm thành một điệu âm nhạc không tên nhưng lại có tuổi. Thì có khó khăn gì đâu, cái đình làng làm được bao nhiêu năm thì bản âm nhạc kỳ quái ấy lại có bấy nhiêu tuổi.

Khít bên bàn có lắm đứa trẻ đứng sau lưng bố nó, và thỉnh thoảng được bố nó quay lưng lại cúi trong tay nó một oản xôi vắt nhỏ hay vài lát thịt bò thui.

Từ mai đến trưa có lẽ chỉ lúc này là dân làng mới làm việc một cách chăm chỉ và... yên lặng hơn hết. Nhưng lệ thường tũn nhập ngôn xuất nên không bao lâu những tiếng cãi cọ lại nhao nhao nổi lên như cũ.

Lúc tôi đi vào đình dân làng đã ăn hơn nửa bữa rồi. Nghe ông Lý bảo đến ăn tôi cũng đi tìm một chỗ chót bệch để ngồi. Nhưng vừa mới ngồi xong ông lý đã đến bảo tôi đứng dậy rồi kéo tôi đến một chỗ khác cao quí hơn. Tôi muốn nói cao quí là vì cái phàn tôi đến ngồi họ kê cao lắm. Còn quí thì không hẳn quí lắm, vì chung quanh tôi chỉ cụ già với cụ già... Tôi cũng tưởng được ngồi đây là yên phận, không ngờ một cụ già ngồi dưới tôi đứng dậy phì phào nói lớn :

- Thừa với thầy Lý, trò ấy tuy có học nhưng cũng còn nhỏ tuổi. Tôi tuy dân ngu nhưng đã già. Nói cho đúng tôi cũng sánh được vai chú vai bác của trò ấy được, đó là chưa nói đến vai ôn mệ. Thầy cho nó ngồi trên tôi thì thật thầy đã muốn cho nó khinh tôi và khinh luôn cả tuổi già sức yếu của dân làng nữa.

Qua năm sau vào kỳ tế thần tôi nhất định không chịu ra làng nữa, mặc dầu cha tôi đã hết lời khuyên : « Năm nay con đậu bằng Tiểu-Học Yếu-Lược thì không ai dám để con ngồi với dân đâu. Được thấy con lớn hơn thiên hạ thì cha cũng không khỏi mừng thầm và vui sướng được «.

Không biết lời khuyên của cha tôi có thành thật không, chứ lòng tôi lo sợ lắm. Vì năm ấy tôi đã mạnh đã cao hơn năm trước, tôi chỉ sợ ra đình họ lại - biết chừng đâu được - bắt tôi đi cầm lọng, thì cái lợi thật không bù cái

hại. Và cái hại đáng sợ nhất lại không phải cái hại mất thể diện, mà thật ra cái hại mất... ăn.

Thế là tôi lại phải trở về chỗ cũ. Trong lúc đi qua đi về, những đĩa thịt bò tái đã sạch như chùi rồi. Tôi dùng chùi chùi thật không quá lắm, vì họ ăn uống thế nào lại trông những chén tương, những bát canh sạch tinh như hời mới rửa.

TÌNH THU

Đêm ấy trăng sáng lắm. Mẹ tôi bảo chúng tôi đem ghế bàn ra sân để học cho mát. Một cơn gió thoảng qua, ngọn đèn lại được dịp phun vài lớp khói lên không và hắt ra những hơi nồng khó thở. Mẹ tôi yên lặng ngồi khâu áo bên em tôi. Thỉnh thoảng mẹ tôi lại đưa tay nâng cặp kính để ngay ngắn trên sống mũi. Em tôi ngồi nghe nga học, mình chồm tới ngã lui, làm lung chuyển cả cái ghế đang ngồi. Tôi thì đang hí hoáy vẽ lại cái bình mực đã mấy hôm bỏ giờ.

Ánh trăng êm dịu xuyên qua mấy tàu lá chuối rồi nhẹ tủa trên chiếc bàn chúng tôi mấy bóng đen lớn luôn luôn xao động. Mùi hương bên giàn hoa lý bay ra thơm ngào ngạt.

- Rắn là một loài bò... i... a... Rắn là một loài... rắn là một loài bò...

Nghe câu học của em tôi hơi lạ tai, mẹ tôi từ từ lấy cặp kính xuống rồi mỉm cười nhìn em tôi chòng chọc. Dưới nhà bếp lại đưa lên một nhịp cười khúc khích của vú Bảo và thằng Lê.

- Ai dạy con rắn là một loài bò ?

Tiếng học của em tôi át cả lời mẹ tôi, nên nó vẫn điềm nhiên ngồi học :

60 | Thanh Tịnh

- Rắn là một loài bò... ê... a... Rắn là một loài bò.....
Sát không chân... ê... Sát không chân...

Cả nhà phá lên cười. Ngay lúc ấy ở ngoài cổng cũng hưởng lên một nhịp cười của ai nghe rất trong trẻo. Hai con vện vồ ra sữa. Mẹ tôi cất tiếng hỏi :

- Chị Sương đây phải không ?

- Vâng !

- Đi đâu mà khuya thế ?

- Bác chưa ngủ à ! Em Thanh có ở nhà không ?

- Chị nó bảo đi đâu mà không ở nhà...

Rồi mẹ tôi hỏi thằng Lê ra mở cổng.

Sương vào.

Hai con vện nhận được người quen nên không sữa nữa.

Chị Sương là con gái bác lý Hoàng, năm ấy mới mười bảy tuổi, người tính nết dịu dàng đáng yêu và ăn nói có duyên lắm. Chị ấy ở cách nhà tôi một xóm nên thường đến chơi luôn. Lần nào qua nhà chị cũng nhớ đem quà đến cho chúng tôi. Vì vậy mà thành thói quen. Mỗi lần chị quên là thằng Thuyên, em tôi, giữ chị lại không để

cho chị về.

Năm ấy tôi học lớp ba trường Mỹ-Lý, còn em tôi thì học lớp năm. Mỗi ngày tan buổi học chiều, chúng tôi thường rủ nhau lên tận ga Hòa-An để xem xe lửa chạy. Ga này nằm ở giữa đồng bát ngát, xa xa mới thấy một ngôi nhà nên trông buồn tẻ lắm. Sở dĩ « Nhà Nước » dựng lên cái ga ấy vì làng tôi có con đường cái đi xuyên qua huyện Sơn-Hải cách ga gần tám cây số. Lần nào đi học về chúng tôi cũng gặp chị Sương gánh gạo lên đó bán.

Chị Sương tối hôm ấy ăn mặc như các cô gái quê làm dáng ở miền Trung : áo vải trắng dài, quần lĩnh đen, đi chân không; nhưng trông người chị xinh xắn và nhanh nhẹn.

Chị Sương đến tựa bên bàn chúng tôi rồi nhìn em Thuyên tôi cười bảo :

- Rắn cũng là loài bò nữa ư em Thuyên ? Thế mà chị cứ tưởng nó là loài trâu.

Nói xong chị Sương lại cười. Một nhịp cười thẳng thắn tự nhiên của lắm cô gái quê lúc được nghe một câu chuyện gì hơi ngộ nghĩnh.

Em Thuyên tôi ngược mắt nhìn chị Sương cười rồi bỗng nhiên cũng ôm bụng cười theo. Một lúc sau em

tôi tươi tỉnh hỏi :

- Chị Sương đem quà gì cho em đây ?

Chị Sương lại nói đùa thêm một câu và lại lấy thân áo trước bịt miệng cười khúc khích. Một mớ tóc đen mượt tỏa xuống che khuất nửa trán của chị. Mẹ tôi tươi cười bảo :

- Chị Sương chắc hôm nay có ai đi hỏi nên mới vui vẻ thế. Thằng Thuyên xin chị mía đi, chẳng sau chị ấy đi lấy chồng thì khó xin lắm đây !

Thôi cười, chị Sương nhẹ cúi đầu xuống đáp :

- Bác thương thì dạy thế, chứ ai thèm gì những con gái quê !

- Những gái quê như làng mình thì hiếm lắm chị Sương ạ. Thì từ ngày nhà nước bắt con đường sắt đi qua làng mình, con trai trong làng ế vợ là thường chứ con gái thì toàn đi lấy chồng thầy thông thầy ký ở các tỉnh lớn.

- Thật vậy không bác !

- Sao không thật ! Năm ngoài chị Hồ chẳng lấy ông đốc trường Mỹ-Lý đó ư. Còn chị Viêm con bác cả Lại thì đã có thầy dạy thằng Thuyên sắp đến hỏi.

- Làm sao bác biết được ?

- Làm mỗi dong cho người ta mà không biết thì chị bảo còn ai biết hơn nữa.

Câu chuyện sắp kéo dài ra nữa thì bỗng mẹ tôi sực nhớ chị Sương này giờ vẫn đứng nên vội nói lớn :

- Ấy chết, vô tình lại để khách đến chơi đứng mỗi chân. Thuyên con vào nhà rinh chiếc ghế ra mau.

- Được bác để mặc cháu.

Em Thuyên tôi vào nhà một lúc lâu mới hì hục rinh ra một chiếc ghế đầu. Chị Sương thấy vậy đến đón ngay lấy ghế rồi nhanh nhẹn đến đặt ngồi gần một bên tôi. Đoạn chị cất tiếng hỏi :

- Em Thanh không đi nghe hát giã gạo bên xóm bầu à ?

- Đi qua miếu Thánh em sợ lắm, vả lại chắc tối hôm nay thế nào thầy dạy học em cũng có đi xem...

Ngẫm nghĩ một lát tôi lại cười nói tiếp :

- À, chị Sương này, bắt đầu từ hôm nay chị hãy gọi em bằng cậu cho oai, vì sang năm em đã đi thi bằng Yếu-Lược rồi đấy !

64 | Thanh Tịnh

Chị Sương tuy không biết đi thi bằng Yếu-Lược là gì nhưng cũng muốn làm vui lòng tôi :

- Ủ thì cậu Thanh. Chị muốn nhờ em một việc này.

- Lại còn em !

- À quên, nhờ cậu một việc này.

Chị Sương đưa mắt nhìn mẹ tôi, lưỡng lự. Sau thấy mẹ tôi vẫn ngồi yên khâu áo, chị mới kê miệng sát tại tôi bảo khẽ :

- Cậu có biết thầy xếp ga không ?

Tôi vô tình nói lớn :

- Là lưng gì thầy Xuân mà tôi không biết, chị cũng quen với thầy Xuân à ?

Lần này chị Sương đỏ bừng mặt lên rồi ấp úng nói như người hoảng sợ :

Rõ cậu Thanh khéo nghiên chuyện quá !

Mẹ tôi cúi đầu, nhìn chị Sương trên đôi vòng kính, đoạn mỉm cười :

- Ủ, thì thằng Thanh nghiên chuyện làm gì, để cho chị Sương then !

Nói xong, mẹ tôi bảo em Thuyên đi ngủ, và cũng đứng dậy lững thững đi theo sau nó vào nhà. Chị Sương ngượng ngịu :

- Bác cũng đi vào ngủ à... Sao bác không cho em Thanh đi ngủ luôn thế...

Mẹ tôi quay lại cười :

- Tôi vào uống nước, còn thằng Thanh thì để nó học thuộc xong bài trường đã !

Nói vậy chứ mẹ tôi ở nín thắng luôn trong nhà không chịu ra. Chị Sương ngồi im lặng một hồi lâu mới dịu lời bảo tôi :

- Em Thanh ạ, lúc chiều thầy Xuân có nhờ anh lon-ton đưa cho chị một phong thư, chị không biết quốc ngữ nên mới qua nhờ em đọc hộ.

Chị Sương kéo trong túi áo ra một cái bì mùi vàng, đoạn lách hai ngón tay ghép trong bì lấy một mảnh giấy gấp tư đưa ra cho tôi. Tôi cẩn thận mở tờ giấy trải lên bàn rồi chăm chú đọc :

Em Sương.

Trông em tôi yêu lắm, không đêm nào tôi không mộng thấy em. Nếu em cũng đồng bệnh tương tư như tôi, thì em nói thật, để tôi mượn người đến tận nhà thầy

66 | Thanh Tịnh

mẹ hỏi xin em.

Người yêu em : Nguyễn-Xuân

Chị Sương chống cằm ngồi yên lặng, hai mắt đắm đắm nhìn lên đợt cau gió khuya đưa qua lại. Ngoài đường lúc ấy vắng lặng, chỉ thỉnh thoảng xa xa đưa lại vài tiếng chó sủa lên trời hay những nhịp đều đều của mấy chiếc chày vò giã gạo.

Chị Sương bỗng giật mình nhìn tôi.

- Em Thanh đọc xong rồi à ? Còn nữa hết ?

- Hết rồi.

- Hai trang giấy mà chỉ có thể thôi à ? Thôi em chịu khó đọc lại cho chị nghe một lần nữa. Lần này nghe tôi đọc, chị Sương mặt mày nở ra dần rồi lấy phong bì đang cầm trên tay che miệng cười chúm chím. Tôi đọc xong. Chị Sương lấy lại phong thư lật qua lật lại trên tay một hồi lâu mới nghiêng đầu về bên tôi nói sẽ :

- Em Thanh ạ, em viết hộ cho chị một phong thư trả lời, sáng mai chị sẽ cho em năm xu.

Tôi thấy kiếm được tiền một cách dễ dàng quá nên tự nhiên cảm thấy lòng tung bừng sung sướng. Nhưng tôi còn giả vờ nài thêm :

- Thế thì thích quá nhỉ, em có tiền em sẽ mua con sáo của thằng Lê, nhưng năm xu thì không đủ; chị cho em một hào, em sẽ gắng viết thư cho chị bằng chữ thật tốt. Nào chị đọc cho em viết đi..

Tôi xé trong quyển vở học một tờ giấy rồi yên lặng cầm bút chờ chị Sương đọc. Nhưng chị Sương thì mãi đăm đăm nhìn tờ giấy như muốn tự hỏi phải dài bày những câu gì, ý gì trên mặt giấy mới mong thầy Xuân thấu rõ nỗi lòng.

Tôi tưởng chị không nghe tiếng nên nhắc lại một lần nữa :

- Kìa chị đọc cho em viết !

Chị dịu dàng bảo tôi :

- Nói se sẽ chứ lì... Bắt đầu em hãy viết : Thưa thầy Xuân,... à, hay em viết là... thưa anh Xuân, cho thân mật hơn...

Tôi cặm cụi nắn nót viết ba chữ ấy cho thật tốt, đoạn ngược mắt lên nhìn chị Sương hỏi nữa :

- Gì nữa chỉ ?

Chị Sương đưa lưỡi liếm môi trên một lát đoạn bần khoản trả lời :

- Thế em đặt hộ cho chị có được không ?

- Được lắm, nhưng chị muốn nói gì với thầy Xuân ?

Nói xong tôi ngồi thẳng người lên, chống hai khuỷu tay lên bàn, miệng ngậm đầu cán bút, nhìn chị Sương ra dáng một người thạo nghề lắm. Còn chị Sương thì như sợ cặp mắt tôi nhìn chị, đoán biết ý muốn của chị, nên e lệ cúi đầu xuống đáp :

- Em sẽ nói chị gửi lời lên thăm thầy mạnh giỏi, chị mừng. Nếu thầy không kể gì chị quê mùa thì chị hứa sẽ trọn đời theo thầy hầu hạ.

- Chị muốn tự xưng chị bằng tôi hay bằng em ?

- Bằng gì cũng được,

- Bằng em thì nghe tình tứ hơn chứ. Phải không chị Sương ?

- Ừ thế cũng được.

Chị Sương lẳng lẳng ngồi xem tôi viết tôi đi qua lại từng nét một trên mặt giấy : Trông người chị hồi ấy ngây thơ như một đứa trẻ. Chị chòng chọc nhìn tôi viết ra vẻ kinh cẩn lắm. Có lẽ chị đã cho mấy giòng chữ nguệch ngoạc của tôi là những lời nói thầm kín của tâm hồn chị, của bao nhiêu điều ước muốn mơ màng của chị.

Mọi vật ở trong cảnh yên lặng. Bỗng xa xa đưa lại tiếng còi thét dài của chuyến xe lửa đêm ra Bắc. Chị Sương nghe tiếng ấy ra chiều sung sướng trầm ngâm như người được nghe khúc đàn hay. Chị cầm tay tôi bảo ngừng viết rồi ngọt ngào :

- Này em Thanh ạ, giá nói thêm câu này như ý chị nghĩ thì hay nhỉ... Những nói như thế có được không? Chị muốn nói rằng, mỗi khi nghe tiếng còi tàu đàng xa... Nhất là trong những đêm vắng vẻ, thì thế nào chị cũng nhớ đến thầy Xuân... Em liệu viết hộ chị thế.

Thế là bắt đầu từ đó tôi đã trở nên một viên thư ký bé con của chị Sương rồi. Một viên thư ký đọc thư tình và thay chị trả lời lại. Theo trí non nớt nhưng sớm khôn của tôi hồi ấy, thì cuộc tình duyên bằng thư của thầy ký ga với cô gái quê càng ngày càng đậm thắm, mặn mà. Những lời tha thiết chân thật của thầy Xuân bao giờ cũng khiến cho chị Sương cảm động và nói ra những câu mộc mạc nhưng không thiếu gì những tình tứ đẹp đẽ của một tấm lòng sung sướng vì yêu đương.

Chị Sương một đôi lần tiếp được lời năn nỉ của người tình và cũng một đôi lần hẹn cùng thầy Xuân gặp mặt. Nhưng cuộc gặp gỡ vẫn không ra ngoài « khuôn phép » vì thầy Xuân là người đứng đắn cũng như chị Sương là người chín chắn ; hai bên rắp định chờ đợi hạnh phúc chẵn gói cho đến ngày cưới xin hẳn hoi.

Cứ vậy trong gần hai tháng trời những câu nhớ thương, những tiếng tình tứ, với bao nhiêu nỗi vơ vẩn đối với người khác nhưng rất ý vị đối với chị Sương, tôi đều đọc qua và tôi là người chép lại. Tôi vô tình đã làm cái việc của ông tư chấp nối cho hai người yêu nhau. Nhưng chỉ có một điều làm tôi vui thích hồi bấy giờ : là mỗi lần chị Sương nhờ tôi viết thư là một lần chị để vào tay tôi năm xu :

- Cho em tiền để mua sáo.

Tôi mua một con sáo mà tôi vẫn thích và nói với bác xã Lận ở cùng xóm bán chịu cho tôi một cái lồng sơn son rất đẹp, tôi sẽ góp trả dần.

Bác xã thuận cho mua, tôi tính trước chừng một tháng nữa, nếu chị Sương nhờ viết thư luôn, tôi sẽ đủ tiền góp hết.

Vì thế mà trông chừng chị Sương lâu không đến là tôi lại nóng lòng mong. Rồi đến mấy tuần cuối tháng sau, thấy trong thư thầy Xuân nói đến việc song thân ở Bắc gọi về để cưới con một cụ Tuần, chị Sương dửng mặt âu sầu, bảo tôi viết thư cho thầy những câu nghe rất đau thương và ảo não.

Chị Sương không hớn hở như trước nữa. Mỗi lần chị cầm thư đến lại băn khoăn lo ngại như đứng trước một

tai nạn sắp xảy đến cho mình.

Tôi tuy ái ngại dùm, nhưng khi tôi viết thư trả lời xong, chị cho tiền là tôi vui vẻ ngay.

Con sáo ngàn của tôi cũng như có ý mong chị đến và mỗi lần thấy bóng chị là kêu mừng và nhảy nhót ríu rít trong lồng. Con vật cũng biết rằng sau mỗi lần chị Sương qua nhà tôi là nó lại được tôi mua cho nhiều thức ăn và chăm chút nó hơn những ngày khác.

Nhưng qua tháng sau, đã hai tuần, chị Sương không đến nhà tôi nữa. Bác xã Lạn thấy tôi không đóng tiền đã hai kỳ nên nhất định đưa tiền lại và đem cái lồng chim về. Từ đấy con sáo ngàn của tôi phải chịu ngủ ngoài trời sương lạnh. Đêm nào trời mưa nó lại rít lên kêu như than oán căm hờn.

Con chim sáo của tôi ngày một rạc đi mà tôi không biết làm sao được. Rồi một đêm trắng, chị Sương lại qua nhà tôi giữa lúc chúng tôi đang ngồi học ngoài sân như mấy tháng trước.

Lần này tôi trông người chị Sương bơ phờ lạnh lẽo lắm. Chị lần đến bên tôi, rồi rạc nói từng tiếng một.

- Thầy Xuân đi ra Hà-nội rồi em Thanh ạ.

Tôi nghe câu ấy như thấm đầy nước mắt, trong lòng thương cảm một cách thiết tha.

Ngay lúc ấy tiếng còi chuyển xe lửa đêm ra Bắc lại rúc lên lạnh lạnh ngoài quăng đồng xa mơ hồ vắng lặng. Chị Sương động lòng bùng mặt khóc. Thấy vậy tôi cũng mũi lòng nức nở khóc theo.

Chị Sương chặm nước mắt nhìn tôi thương hại :

- Em cũng buồn cho duyên số chị à ?
- Con sáo ngàn của em chết rồi chị Sương ạ.

Nói xong tôi lại khóc lớn hơn nữa.

CON ÔNG HOÀNG

Ở chính giữa làng Mỹ-Lý và đối diện với đình làng Mây bên kia sông, là cái phủ nguy nga của ông Hoàng-Thiên-Ý. Ông Hoàng này oai quyền hống hách một thời xưa. Ông Hoàng qua đời đã lâu, con cháu ông ta không có mấy, nên cảnh phủ càng ngày càng tiêu điều.

Lúc còn nhỏ tôi biết được ông Hậu là con ông Hoàng và anh Vân là con ông Hậu. Anh Vân học với tôi một lớp, người xanh xao và yếu điệu như con gái. Anh ta thường dẫn tôi về phủ chơi luôn. Ông Hậu năm ấy đã trên năm mươi tuổi, người lùn, trán hói, và đầu tóc bạc phơ. Ông tử tế lắm. Mỗi lần thấy tôi đến chơi ông niềm nở hỏi han như con cháu trong nhà. Trước sân phủ có mấy cây ổi lớn nên tôi nhớ lại thăm anh Vân luôn.

Phủ tuy cao rộng thênh thang nhưng lúc nào cũng tối tăm và ảm đạm. Những cánh cửa trước tiên đường không mấy khi thấy mở. Bầu không khí ở trong vì vậy trở nên nặng nề khó thở.

Trước kia tôi thấy trong phủ có lắm vật cổ quý giá và đẹp mắt lắm. Nhất là những chiếc lư hương bằng ngọc hay là những cành hoa bằng bạc chạm. Nhưng bao nhiêu vật báu ấy dần dần biến đi đâu mất. Tôi hỏi anh Vân thì anh lúng túng đỏ cả mặt. Tôi hiểu ý nên không

hỏi nữa. Tuy vậy trước sân nhà ông Hậu lúc nào cũng thấy đầy hoa tươi cỏ đẹp. Ông ta phong lưu lắm. Có lúc tôi gặp ông ngồi uống rượu dưới dàn hoa lý hay chép vần thơ trên một ngọn lá đào.

Cả ngày ông ta không làm gì hết. Ông ta chỉ đi tỉa hoa hay vác cần ra ngồi câu bên bờ sông Hà-Nại. Tôi nghe ông ta có ăn lương tháng nhưng không biết bao nhiêu.

Thỉnh thoảng tôi có gặp ông ta đi chơi trong các lồi xóm. Ông đi đứng ra chiều nhàn hạ lắm. Đi ra ngoài thì ông ta thường mặc áo gấm, bịt khăn điều, và cầm gậy tre bịt bạc. Nhưng ở nhà thì ông ta mặc quần dẹt hơn. Một hôm tôi đã thấy trên áo ông ta có chữ thêu. Tôi tưởng là áo gấm nhưng nhìn kỹ tôi mới biết đó là bức trướng thêu thường treo giữa nhà.

Anh Vân thì lúc nào cũng thấy mặc cái áo đen dài bạc màu. Một hôm tôi đến gọi anh đi học thì thấy anh ta đang ngồi vá áo. Ông Hậu thấy tôi vào thì giả vờ mắng anh Vân :

- Thật tách thẳng con lạ quá, áo quần để đầy rương mà không đem ra mặc cứ bo bo giữ lấy cái áo đen đã cũ nát.

Anh Vân đứng dậy rũ áo không vá nữa. Anh nhìn tôi mỉm cười nhưng tôi thấy hai má anh đỏ gắt.

Lúc sắp đi học, ông Hậu liền gọi anh Vân đến gần nói lớn :

- Chiều đi học về con nhớ ghé lại nhà ông Huyện Phong mời ông ta đến đánh cò với chú nhé.

Anh Văn cúi đầu dạ rồi cùng tôi đi đến trường.

Nhưng lúc bãi học tôi cũng không thấy anh Vân ghé lại nhà ông Huyện. Và lúc tôi với anh về Phủ, tôi cũng không nghe ông Hậu nói gì hết.

Cảnh Phủ càng ngày càng tiêu điều, còn phía trong thì càng thấy rộng thêm mãi. Bát lư hương sành đến thế bát lư hương ngọc, và cách vài tháng sau tôi chỉ còn thấy bát lư hương gỗ. Bao nhiêu cột trong Phủ đã thấy trông trơn và cũ nát, vì chung quanh thân cột không có vật gì bám vào để bận mắt nữa.

Qua năm sau lên lớp nhất, Vân thường vắng mặt lắm giờ sử ký. Thầy trách anh Văn biếng học nhưng tôi thì hiểu anh ta lắm. Anh ta không có tiền mua quyển sách sử ký.

Một buổi trưa chủ nhật đến nhà anh Vân chơi, tôi thấy ông Hậu đang sai đưa ở đi bắt gà. Tôi cũng cởi áo đi theo anh Vân chặn bắt mấy con gà ấy. Sau hai giờ chạy quanh vườn, chui qua bụi chúng tôi mới dốt được bốn con gà trống tía vào trong lồng. Hôm ấy tôi ở lại

chơi với anh Vân gần tới mới về.

Tôi ngạc nhiên hết sức lúc thấy bốn con gà trống tía của ông Hậu lại ở trong chuồng gà nhà tôi. Tôi hỏi thì mẹ tôi bảo gà của ông Hậu đem lại biếu. Tôi đang phân vân chưa hiểu thì mẹ tôi mỉm cười nói tiếp :

- Rồi nhà mình biếu lại ông ta một thúng gạo.

Tôi thấy cảnh nhà anh Vân túng thiếu nên thương hại vô cùng. Nhưng ông Hậu lúc nào cũng thấy nhàn hạ và say sưa trọn ngày. Ông thường cười nói vang nhà hay hát những câu « Tẩu Mã » đã quên lửng đi nhiều đoạn.

Dầu ông Hậu đã hết lòng dẫu kín, nhưng sự túng bấn ở nhà ông đã dần dần lộ ra ngoài. Người ta biết ông Hậu sở dĩ muốn tươi tỉnh là để giữ thể diện. Có lúc ông Hậu đã hào hiệp đến quên cả mình.

Người lính hầu cận của ông Hoàng ngày xưa một hôm đến thăm ông Hậu và đem đến biếu một cân mứt và hai lượng trà. Ông Hậu nhất định từ chối, không chịu lấy, người lính không nản chí kêu nài mãi :

- Nhờ ơn đức ông xưa con mới lên làm được phó quảng, ơn ấy con xem như trời như biển. Nếu ngài không nhận chút lễ mọn này thì con không bao giờ dám đến thăm ngài nữa.

Để người ta ép nài quả nghe cũng chướng ông Hậu dịu lời đáp :

- Hay tình thế này thì hơn. Anh đã có lòng cho tôi xin nhận và xin hết lòng cảm ơn anh. Nhưng anh phải nhận lại vật này để cho mấy cháu nhà anh mới được.

Nói xong ông Hậu móc túi lấy ra hai đồng đưa cho người lính. Biết từ chối cũng không được, viên phó quảng đành cúi đầu đưa hai tay nhận lấy.

Bắt đầu từ hôm ấy mỗi lần đến phủ chơi, tôi đều thấy ông Hậu ngồi nhấm mút với nước trà. Theo anh Vân thì đó là buổi cơm hàng ngày của nhà anh, vì số tiền cuối cùng ông Hậu đã đưa cho viên phó quảng hết.

Nhưng ông Hậu vẫn không thôi cho người ngoài biết nhà ông vẫn còn sung túc.

Lệ hàng năm cứ đến gần Tết là ông Hậu bỏ nhà đi đâu hơn vài tuần.

Chính anh Vân cũng không biết ông ta đi đâu. Có người nói ông ta đi thăm rẫy và con gái ở Qui-nhon. Người khác lại nói ông ta lên tỉnh để sắm đồ Tết.

Mấy ngày trước Tết năm ấy tôi được đi với mẹ tôi lên tỉnh. Tỉnh thành xa làng Mỹ-Lý hơn ba mươi cây số và phải đi qua năm sáu chuyến đò. Ba bốn năm tôi mới

được đi một lần.

Ngày ấy cảnh tỉnh thành đối với tôi tươi sáng quá. Tôi đi xem ngót nửa ngày mà không thấy mỏi chân.

Trước thêm một căn phố bán giấy hoa ; tôi bỗng chú ý đến một cụ già đang ngồi viết chữ thuê. Một bọn trẻ đứng vây chung quanh nhìn ông ta viết một cách lơ đãng. Chữ ông ta viết đẹp lắm tuy lúc viết bàn tay hơi run run. Viết xong ông ta lại ngồi nhìn mấy câu liền hay lấy ít viên sạn chặn lên trên.

Tôi bỗng dật mình lúc thấy ông ta đứng dậy uốn lưng cho đỡ mỏi. Tôi vội vàng đi thật nhanh vì sợ ông ta lại nhận thấy được tôi. Vì ông ấy là ông Hậu...

QUÊ BẠN

Hết mùa tót rã rơm khô
Bạn về quê bạn biết mô mà tìm

(CA DAO)

Ở vùng quê, một đêm trăng. Gió thổi đều đều qua ngọn cây và lay nhẹ những tàu lá xám. Trăng sáng, và trời không mây.

Hương ngồi nấu chè trong bếp, lắng tai nghe những câu hò tình tứ của Mẫn ở ngoài sân. Hương lửa một nắm rơm khô vào bếp rồi đưa chiếc que gạt tro tàn ra, làm đều đặn như cái máy.

Hơn ba hôm nay giọng hò của Mẫn đã quyến luyến Hương và làm lòng Hương xao xuyến. Hương tự nhiên thấy buồn buồn khó tả.

Mỗi lần giọng hò của Mẫn ngân lên không, như tiếng chuông rền, hay tản mác ra xa như giò hương cuộn, Hương lại thổn thức và có cái cảm giác hơi lạ : là chừng đã sống với Mẫn đâu từ kiếp xa xưa.

Ban đầu Hương mê giọng hò của Mẫn nhưng sau Hương cũng không biết Hương đã mê chính người con trai ấy hay chỉ mê riêng giọng hò. Hương cố phân biệt để xem nhưng mỗi lần nghĩ đến Mẫn, Hương lại thèn

thẹn và không dám nghĩ lâu.

Hương là con gái đầu của ông cả Lai, một điền chủ giàu nhất ở làng Mỹ-Lý. Lúc còn nhỏ Hương học đến lớp ba, nhưng qua năm sau mẹ mất, Hương phải xin thôi học. Tự đó Hương lại giúp cha trong nghề làm ruộng. Ông Cả càng ngày càng già, nên bao nhiêu việc ruộng nương đều do tay Hương cai quản.

Hương người đều đặn nở nang, khuôn mặt tròn và cặp mắt lúc nào cũng mở lớn như ngạc nhiên. Hương lại còn có cái đặc điểm là vui tính và hiền lành. Hương ít giận ai và cũng không làm ai mất lòng. Cũng nhờ tính vô tâm, nên đã ngoài hai mươi tuổi mà Hương vẫn giữ được sự mềm mỏng và nét dịu dàng của tuổi ngây thơ.

Năm ấy ông cả Lai xem lịch thấy thời tiết khá nên mời trai bạn ở các làng đến làm hơn ba mươi mẫu ruộng.

Trai bạn là bọn trai tráng ở các làng chung quanh vùng, có khi xa, xa lắm. Họ ở những nơi đất kém ruộng khô, hay những vùng nắng lụt lội. Họ kéo nhau đi từng đoàn trên hai mươi người, đó là những nơi nào cần đến công việc của họ.

Họ là người bốn phương, nhưng họ gặp và hiểu nhau trong một cảnh ngộ. Họ sống với nhau trong những ngày cày cấy, gặt hái, rồi lại tản mác ra như những mảnh mây

ngàn.

Xa nhau họ còn nuôi hy vọng sang năm gặp nữa. Nhưng sang năm gặp nhau là một chuyện khó. Vì quê hương của họ cách nhau xa lắm. Và trước kia họ gặp nhau trong cảnh đồng hoang hay trong quán vắng, chứ có ai biết nhà ai đâu. Vì thế mỗi lần hẹn sang năm gặp nhau thì lòng họ đã đón trước những nỗi buồn vĩnh biệt.

Nhưng không gặp đoàn này thì họ gặp bọn người khác. Vì hàng năm cảnh làm ăn đã kéo họ ra khỏi nhà và bắt họ đi tha phương. Đời họ mỗi năm mỗi khác như rừng cây mỗi năm có một lần lá mới.

Mẫn ở làng Lộc-Giang, huyện Bình-Hải cách làng Mỹ-Lý hơn bốn ngày đường. Mẫn xưa kia có theo học chữ nho nhưng lỡ thời. Ban đầu Mẫn định mở trường dạy học trong làng nhưng thấy chữ nho không ai dùng nữa nên nhập với bọn trai bạn đi làm ăn. Mẫn đi xa làng lần đầu và cũng lần đầu Mẫn ném qua cái đời trai bạn.

Mấy hôm theo chúng bạn ra đồng gặt lúa hay về nhà xây độn rom, Mẫn thấy lòng vui vẻ và ăn cơm ngon miệng. Cũng có khi giữa buổi làm việc, Mẫn tự nhiên thấy nhọc là người và hai bên thái dương lùng bùng như bị cảm gió. Mẫn lại ngồi trên bờ ruộng để tìm nước uống.

Mùi lúa chín và hơi gió nhẹ dần dần làm Mẫn khoan khoái và tỉnh táo như trước. Mẫn lại cất giọng hò lanh lảnh hay vui miệng nói đùa để chọc cho người chung quanh bật cười. Mẫn đi đến đâu là trận cười đi theo đến đó.

Hương lắm lúc muốn làm mặt nghiêm nhưng cũng khó nhịn cười trước lắm câu khôi hài ý vị của Mẫn. Nhờ tài khéo pha trò, Mẫn đã dần dần quen thân với cô con gái nhà chủ. Những lời hài hước của Mẫn làm Hương cười thì giọng hò của Mẫn lại làm Hương buồn thảm thía.

Một thứ cảm tình đậm thắm gây nên từ đó. Hương mỗi ngày mỗi quý mến Mẫn hơn lên. Đêm ấy trời có trăng. Mẫn cho trâu đập lúa ngoài sân với trai bạn. Giờ càng khuya giọng hò của Mẫn nghe càng thâm trầm bi thiết. Hương nấu chè xong sai đưa ở mức vào chén rồi đem ra sân. Giữa sân đã có ba chiếc chõng tre trải chiếu sạch sẽ. Hương đứng nhìn mấy mâm chè đã để hẳn hoi trên chiếu giữa sân nói lớn :

- Thôi mời anh em nghỉ tay vào ăn chè.

Mẫn tự nhiên ngừng bật giọng hát, hỏi :

- Cô Hương nấu chè gì đây ?

Hương mỉm cười khôi hài :

- Chè để ăn.

Mẫn nói tiếp :

- Chẳng lẽ nấu chè lại để uống à ?

Hương đưa cánh tay che miệng cười :

- Ô hay ! anh Mẫn quên rồi à ! Nấu nước chè tàu chẳng để uống thì để làm gì ?

Một người bạn đứng đằng xa tinh nghịch :

- Để uống trong tiệc cưới đấy !

Hương bẽn lẽn nhìn xuống đất, Mẫn nói chữa ngượng:

- Thôi ăn với uống cũng như nhau, miễn no bụng là được.

Nhưng Hương vẫn chưa chịu thua :

- Uống thì no bụng thế nào được. Ăn mới no thôi chứ.

Nói xong thì Hương cười nức nở. Mẫn cũng cười theo. Máy người khác biếng cười nên lẳng lặng đến bên mấy mâm chè khói bay lên thơm phức. Họ đưa nhau ăn ồ ạt và vui vẻ.

Trời càng khuya trăng càng tỏ. Tiếng nói qua lại dịu dần cho đến lúc câu chuyện thành nhạt nhẽo vô duyên thì ai nấy đều im tiếng.

Cảnh vật của trời đêm lặng lẽ bao vây giấc ngủ say sưa của mọi người.

Hôm sau trên giòng sông Viêm hơn mười chiếc thuyền chở đầy lúa trôi nhanh về làng Mỹ-Lý. Trên mỗi thuyền có năm người chèo. Họ đặt ra cuộc đua tài, thách nhau thuyền nào về trước thì được giải. Giải đơn sơ lắm : chỉ có một chai rượu trắng và hai con mực khô. Những trai bạn cũng vui lòng đua ; họ cốt lấy tiếng. Nhất là hôm ấy có Hương đi theo nên họ không muốn mất giá trị trước một cô chủ trẻ tuổi.

Người cố gắng sức hơn hết là Mẫn. Mẫn đứng cầm lái và không dám để lơ một mái chèo. Giòng sông hẹp, mười chiếc thuyền cứ đuổi nhau rẽ sóng tiến lên, có lúc hai chiếc kèm nhau, chạm vào nhau thành những tiếng mạnh và ngắn.

Họ vừa chèo vừa hát làm vang động cả một giòng sông. Hai bên bờ sông người làng ra đứng xem đông nghịt và trong số đó một bọn người lớn tiếng hát theo để phấn khởi bọn trai tráng dưới thuyền. Thuyền của Mẫn chiều hôm ấy giật giải nhất. Hương vui vẻ đến đứng bên Mẫn rồi áp úng nói sẽ :

- Anh được giải, thật em bằng lòng anh lắm.

Mẫn tươi cười nói tiếp :

- Cô bằng lòng tôi thật à ?

Hương biết mình nói hơi nên hai má đỏ bừng. Một lát sau Hương cúi đầu thì thầm :

- Thôi anh vào ăn cơm chẳng đỏi.

Mẫn có ý khoe khoang. Anh chàng kiêu hãnh một cách ngây thơ và nói một câu rất mộc mạc :

- Tôi còn đi ăn giải đã chứ.

Hương nhìn Mẫn có vẻ không hiểu, Mẫn nói tiếp :

- Nghĩa là tôi ăn con mực và uống chai rượu người ta thưởng cho ấy mà. Hương làm bộ nũng nịu :

- Em không bằng lòng anh uống rượu đâu.

Mẫn híp mắt lại cười :

- Thế sao hồi nãy cô bảo cô bằng lòng tôi ?

Những lời trao qua đổi lại toàn là những câu khôi hài nhạt nhẽo nhưng lòng Hương thì tung bừng như ánh trời buổi sáng. Hương sung sướng được Mẫn để ý đến mình và xem mình như bạn thiết. Hương không e lệ

nữa, cô đã can đảm nói một câu mà tưởng không bao giờ cô dám nói ra.

- Em bằng lòng anh thật, nhưng anh uống rượu thì không.

Mẫn làm ra vẻ hung hăng một cách khô hời :

- Không bằng lòng mà được à, tôi thì cứ... Hương ngược mắt nhìn Mẫn :

- Tôi làm gì ?

- Tôi không uống rượu nữa.

Hai người nhìn nhau cười chúm chím, trong lòng nao nức vui.

Qua tháng sau rơm đã thành độn, lúa đã nằm yên trong vựa, và trai bạn sau một bữa cơm ngon lành do ông Cả thết đãi, đã từ giã làng Mỹ-Lý ra đi.

Ban đầu họ nối chân nhau đi thành một đoàn dài, nhưng qua mỗi làng, lại có một đôi người rẽ đường đi về quê hương của họ.

Hôm thấy trai bạn cất hái lên vai sắp đi, Hương chạy ra sau bụi chuối đứng khóc. Mẫn đứng sau đồng rơm thấy Hương khóc cũng tâm tức khóc theo.

... Và từ đáy giòng sông Viêm phẳng lặng, đồng làng Mỹ-Lý vắng teo, trai bạn đi, lòng Hương bơ phờ như cảnh vườn hoang chờ gió lạ.

MỘT LÀNG CHẾT

Tâm đi giữa hai hàng tre cao vút và giẫm chân lên bóng mình đang in dài trước mặt. Tâm thấy hay hay và vui chân dẫm lên mãi. Tâm thấy đi cách ấy thì quên đường xa và ngỡ mình đang nện gót nhịp nhàng theo tiếng kèn binh tướng tượng. Thình thoảng Tâm lại đổi chiếc va-li sang tay cho đỡ mỏi.

Thấy đường đi bằng bùn khô mặt láng và trơn, Tâm muốn tuột đôi giày để đi chân trần cho mát. Nhưng tưởng cử chỉ ấy sẽ làm người qua đường bật cười, nên Tâm không nghĩ đến nữa. Nhưng mỗi lần thấy vài người vùng quê đi chân không trên mặt đường mát rượi, Tâm lại thèm thèm như được trông ai ăn quả chua.

Được mấy ngày nghỉ, Tâm định về quê thăm thầy mẹ. Nhưng chuyến xe hơi Tâm đi lại chết máy ngay giữa quãng đồng Hoa-Lại. Tâm còn cho xe vượt thêm mười cây số nữa mới đến làng Mỹ-Lý. Các hành khách khác đều tìm bóng cây để núp nắng và chờ họ chữa máy xe. Nhưng Tâm thì không hy-vọng gì về sự chữa chạy ấy. Tâm nhận thấy máy xe hỏng nặng lắm và chữa nhanh nhất cũng đến chiều tối mới xong.

Tâm trả tiền xe lấy có đi thăm người bà con ở gần đây. Kỳ thật Tâm muốn qua thăm làng Đồng-Yên, một làng vừa rộng lớn vừa phồn thịnh nhất ở vùng ấy.

Năm lên tám tuổi, Tâm đã đến ở trong làng này luôn hai năm lúc bà ngoại của Tâm còn sống và có mấy sở nhà ngói cho thuê ngay trước chợ. Cách tám năm tiếp, Tâm chưa tìm ra được dịp nào để trở về thăm quê ngoại. Một phần tại bà của Tâm đã qua đời, phần khác nhà cửa của bà Tâm ở Đồng-Yên đều bán cho người ta hết.

Nhưng lòng Tâm thì ao ước trở về quê ngoại mãi. Vì ở đây Tâm được một bà ngoại hiền từ nâng niu và đã thấy những cảnh náo-nhiệt tung-bừng mà chính làng Tâm không có. Tâm còn nhớ rõ ràng cái rạp hát bộ thên thưng dựng trên bờ sông và mấy cái quán ngói huênh hoang che hai mặt chợ. Cứ đến tối, tiếng trống châu lại nổi lên tản mác vọng ra xa nghe như sóng dội. Một vài tiệm khách đã chum đèn măng-xông, ánh sáng tỏa ra tươi và dịu. Đèn ấy đã quyến được nhiều con thiêu thân cũng như đã kéo lại lắm người vùng quê tò mò hay ngơ ngác. Tối nào Tâm cũng đến xem có khi khuya quá bà ngoại Tâm đến kêu mới chịu về.

Mỗi lần nhớ đến quãng đời thơ ấu ấy, Tâm lại cúi đầu mỉm cười, hai má đỏ lên và thẹn thẹn.

Hôm nay tình cờ Tâm lại năm được dịp về làng Đồng-Yên mà Tâm chắc là sầm uất hơn trước nhiều. Tâm định ở lại trong làng vài giờ để thăm vài nhà quen và luôn đường lên ga gần đấy đợi chuyến tàu về Mỹ-Lý.

Trời sắp đứng trưa, bóng của Tâm in trên đường đi đã ngắn dần. Qua khỏi miếu Thần Đá làng Triều, Tâm liền rẽ về con đường mòn tắm tắt chạy dọc theo bờ sông Vực.

Từ đó Tâm không dẫm chân lên bóng mình nữa. Vì chính cái bóng của Tâm cũng đã bỏ chênh về một bên. Tâm vừa đi vừa nhìn vợ vắn mấy túp lều tranh bên kia sông hay dõi theo dáng điệu uyển chuyển của mấy cô gánh gạo ở chợ xa về.

Vừa tầm tay, Tâm ngắt một đoá hoa lài vươn ra ngoài bụi hóp. Nhưng đi một quãng xa, Tâm lại vui tay găm trên đầu một chiếc gai tre.

Quá một giờ trưa Tâm mới về đến làng Đông-Yên. Qua khỏi cổng làng Tâm giật mình đứng dừng lại. Tâm hơi ngạc nhiên và không tin ở cặp mắt mình. Mấy hàng tre bao quanh đình không còn vẻ tươi tốt của thời xưa nữa. Chính cái đình cũng bị hư nát và sập đi một mái. Tâm chắc lưỡi thở dài bản khoăn như người thấy chính nhà mình hư hại. Đường đi hê hủng nhiều đoạn và không rộng rãi như trước. Cỏ đã lan ra chiếm cả mặt đường. Và xa xa Tâm thấy mấy cụm nhà đen ngòm ẩn dưới mấy hàng cây rậm lá. Phía ấy trước kia là chợ, nơi tấp tập nập nhất ở làng. Tâm lẳng lặng cất bước về phía ấy, lòng hồi hộp như sợ những cảnh điêu tàn sắp phơi ra trước mắt. Tâm mong gặp một người qua đường để

hỏi chuyện. Nhưng Tâm đã lạc vào cảnh không người và chính người Tâm lại như người ma hiện về trong gió chết. Thỉnh thoảng sau đình lại đưa vội ra vài tiếng cú như cắt đứt bầu trời lặng yên ra nhiều quãng. Tâm cảm thấy lòng mình như nặng trĩu. Trời đất có vẻ u ám và nắng vàng như đọng lại trên tàn cây.

Tâm đi chậm rãi ngửa mặt đón gió mát cho lòng đỡ nặng. Nhưng không may, Tâm chỉ đón thêm những nỗi buồn. Càng về phía chợ, Tâm càng thấy lòng u-uất. Phố xá hai bên đường đều hư sập, đen đúa và đầy bụi bặm. Không khí ở đây nặng nề quá gần như không thở nổi. Cái đình chợ đã biến thành một đồng vôi gạch đầy rêu cao u-sụ. Cái rạp hát bằng tranh sập khum khum giữa vườn chuối héo, xa trông như một cụ già gầy gò ra bờ sông uống nước, nhưng không bao giờ dậy nổi. Gió như đứng lại, nước không trôi và vẻ sống chung quanh đã từ lâu ngừng trệ. Nỗi buồn cứ nhẹ nhẹ đi sâu vào lòng Tâm.

Trước cảnh hoang phế, Tâm muốn quên hẳn những cảnh tươi xưa và không dám đem ra so sánh. Nhưng trí Tâm cứ vẫn vương nghĩ đến mãi.

Mặt trời đã cạn dần ánh sáng. Tiếng động bắt đầu rì rầm trên quãng mây xa. Vòm trời hạ thấp xuống và không khí dày đặc thêm lên. Cảnh chung quanh đã đen tối sẵn lại nặng nề u-uất hơn. Tâm lững thững đi lên

phía ga để đợi chuyến tàu chiều. Mới rẽ qua con đường cái, Tâm liền gặp ngay một cụ già từ xóm nửa chống gậy đi ra. Tâm mừng rỡ tiến lại đứng bên cạnh chào hỏi:

- Thưa cụ, có biết tại sao làng Đồng-Yên lại tiêu điều đến thế không ?

Cụ già ngẩng mặt nhìn Tâm có vẻ kinh ngạc rồi dịu giọng đáp :

- Vì phần nhiều người làng Đồng-Yên là dân đến ở ngụ. Cách đây hai năm, đậu trời tràn ra khắp làng và giết hại không biết bao nhiêu nhân mạng. Họ lần lượt kéo nhau đi ở nơi khác nhất là về mạn Thường-Son.

Cụ già nhìn lên trời rồi với giọng ái ngại nói tiếp :

- Trời sắp mưa rồi đấy, ông đi nhanh chẳng ướt.

Tâm chào cụ già rồi gấp bước đi lên ga Đồng Yên. Tuy bước nhanh, Tâm vẫn cảm thấy nặng cả lòng và như có sức mạnh gì cản lại. Đã biết không có mồ hôi trên trán, Tâm vẫn đưa chiếc khăn tay lên lau. Những ý nghĩ lờ mờ không đâu cứ lần lượt hiện lên rồi tự xóa nhoà trong trí Tâm. Một luồng gió mát tự phía ruộng đưa lên sục nức cả mùi hoa dại. Tâm ưỡn ngực hít dài và thấy tâm hồn như bớt nặng. Trên con đường dốc lên ga, Tâm đạp đũa trên những ngọn lá bàng khô nghe rôm rốp. Tâm nghi ngờ như tiếng vỡ của chính lòng Tâm.

Mới đến trước sân ga, Tâm đã rùng mình đứng lại. Nhà ga chừng đã bỏ phế từ lâu và mấy buồng giấy cỏ mọc lên um-tùm như bụi rậm. Chung quanh ga, mấy nền nhà cũ lộ hẳn lên như bàn cờ giữa vùng cỏ may thấp ngon. Trời bắt đầu mưa, giọt rơi đều và nhẹ. Tâm díu mày lại và cảm thấy ươn ướt trên hàng mi.

Như bắt được hơi mưa, một bầy kiến cánh tự trong nhà ga là đà bay ra sân. Nhưng chỉ được một quãng, nước mưa đã thấm ướt cánh và đàn kiến thất vọng rơi nhào xuống đất. Dưới hiên ga hoang vắng, Tâm ngao ngán nhìn về làng Đồng-Yên qua màn mưa chiều rỉ rã.

TÌNH QUÊ HƯƠNG

Thuyền, Đồng là hai người bạn thân cùng ở một làng : làng Mỹ-Lý. Sau ba tháng vào tìm việc ở Nam-Kỳ, hai người mới tìm được hai việc làm tạm ở ga Gò-Đen. Ga này ở giữa con đường Saigon Mỹ-Tho, một nơi được tiếng giàu nhất về ruộng lúa. Khách qua lại toàn là những dân quê ở hai vùng Thanh-Tru và Bá Chấn. Công việc của Thuyền, Đồng cũng không đến nỗi vất vả lắm. Lúc còn là hai tên thất nghiệp lang thang đi tìm việc khắp Saigon thì hai người ít khi nhớ đến quê hương. Nhưng lúc tìm ra việc thì tình quê hương lại dạt dào luôn trong tâm trí.

Những buổi nghỉ việc, hai người lại lững thững nắm tay nhau, đi trên con đường về làng Vân-Thọ. Vì con đường này giống với con đường chính của làng Mỹ-Lý quá. Cũng hai hàng cây Sầu-đông chạy thẳng giữa quãng đồng lúa chín, cũng cái miếu thánh xa xa và mấy đồng rơm cao chót vót sau bụi tre già cuối xóm.

Đi trên quãng đường này, Thuyền, Đồng có cái cảm giác là sắp về nhà mình. Nhưng mỗi lúc qua khỏi cái cầu dài, hai người lại đứng nhìn nhau ngơ ngẩn. Vì trước mặt hai người, quang cảnh chung quanh đã đổi hẳn. Những cây dừa vươn mình trên giòng nước đục, hay vài cô gái miền Nam bơi thuyền giữa đám lau già, không cho hai người tưởng tượng đến làng Mỹ-Lý nữa.

Thuyên vòng tay nhìn mông ra xa rồi lẩm bẩm :

- Ừ uống thật, giá đến đây không gặp con sông này thì chúng mình đã tưởng về xóm Thạch-Lũy rồi.

Đồng đưa tay chỉ một nếp nhà ngói bên vệ đường rồi nói tiếp :

- Còn cái nhà xinh xắn kia là biệt thự của cô Ái-Thu làng mình.

Thuyên nhìn Đồng mỉm cười :

- Nhớ rõ ràng nhỉ, nhưng đất Nam-Kỳ bốn mùa nắng gắt, có mùa thu đâu mà bảo có cô Ai-Thu.

Trên phiến đá trắng bên vệ đường, hai người lại lẳng lặng quàng vai nhau ngồi xuống. Trời càng về chiều, gió càng lạnh. Hai người dần dần ngồi khít gần lại để truyền hơi ấm cho nhau.

Bóng tối từ từ lan rộng ra trên quãng đồng lúa chín, ở về phía ga vài ngọn đèn dầu đã bắt đầu lấp lánh sau mấy hàng cây đen sẫm.

Như muốn tự dối, Thuyên vui vẻ bảo Đồng :

- Đồng ơi. Chúng ta hãy đi về ga Mỹ-Lý nhanh đi chẳng tối rồi.

Không hề lộ vẻ ngạc nhiên, Đồng cất tiếng đáp :

- Ừ chúng ta về ga Mỹ-lý.

Rồi như mọi chiều, Thuyên, Đồng lại vừa đi vừa hát huyền thuyên, đầu bài hát này nối đuôi bài khác...

Một hôm Thuyên, Đồng rủ nhau đi chơi thật xa, nhưng đến giữa trưa thì lạc mất đường về. Hai người phải ghé vào cái quán gần đấy để hỏi đường, luôn tiện để ăn cho đỡ đói. Cùng ăn trong quán ấy, có ba người nhà quê trẻ tuổi đùa bỡn với nhau luôn miệng. Nụ cười từ môi này lan qua môi khác, bầu không khí trong quán không bao lâu trở nên vui vẻ lạ thường. Lúc sắp trả tiền, Thuyên mới nhớ mình quên để ví ở nhà, Thuyên bấm nhẹ Đồng hỏi sẽ :

- Đồng có đem tiền theo đấy không ?

- Không. Thế Thuyên cũng không có à ?

Thuyên lắc đầu ra vẻ lo ngại :

- Thuyên bỏ nhầm quyển sổ con vào túi ; còn cái ví thì để quên ở trong ngăn bàn.

Hai người đang nhìn xuống mặt bàn để tìm kẻ « tháo thân » thì bên kia bàn, người nhà quê trẻ tuổi nhất, đứng dậy nói với chủ quán :

- Hai thầy ngồi bên kia bàn là hai bạn thân của chúng tôi, vậy ông cứ tính chung để tôi trả tiền luôn thể.

Thuyên nghe nói cảm động quá, đứng dậy nhìn người trẻ tuổi một lát rồi ấp úng nói :

- Thật chúng tôi không biết nói gì đây để cảm ơn mấy ngài...

Không để cho Thuyên nói dứt lời, người trẻ tuổi nói tiếp :

- Đáng lẽ tôi phải cảm ơn hai thầy trước mới phải. Vì hai thầy đã cho tôi nghe giọng nói của mẹ tôi xưa...

Rồi hạ giọng, người ấy thì thầm như hơi thở :

- Vì mẹ tôi là người Trung-Kỳ, và đã qua đời hơn tám năm rồi.

Nói đến đây, người trẻ tuổi lắng lặng nhìn xuống bàn, hai môi mím chặt ra vẻ đau thương lắm. Còn Thuyên, Đồng thì cúi đầu nhớ đến quê hương, yên lặng nhìn nhau với hai cặp, mắt rơm rớm lệ.

Ngày ba mươi Tết năm ấy, Thuyên, Đồng nhất định không đi ăn cơm quán như mọi ngày. Hai người định mời bà Hai, người ở gần đấy, đến nấu cơm trong ga, để cúng luôn thể. Hai người cũng không biết cúng ai, nhưng thấy người ta đua nhau cúng cũng muốn cúng

cho vui.

Bàn bạc xong xuôi, Đồng đáp tàu lên Chợ-lớn mua các thức ăn trong tiệm khách. Còn Thuyên ở nhà sắp đặt lại ghế bàn để khuya cúng lễ giao-thừa.

Lúc Đồng về thì trời đã gần tối. Thuyên tự thân hành qua bên nhà bà Hai để mời bà ấy qua, nhưng rủi bà ấy đã về ăn Tết ở Biên-Hòa từ sáng sớm. Thuyên lui thủ đi về kể lại cho Đồng nghe. Hai người chỉ nhìn nhau cười, nhưng trông có vẻ băn khoăn lắm. Ngay lúc ấy, bên kia căn ga có mấy người hành khách đang ngồi nói chuyện với nhau rất vui vẻ. Thuyên mở cửa sổ bán vé tàu, chui đầu sang bên kia rồi nói lớn :

- Hôm nay không có chuyến tàu bảy giờ. Đến hai giờ sáng mới có chuyến tàu bất thường ra Bắc.

Vài ba người nghe nói thất vọng quấy gánh ra về. Thấy trong bóng tối lơ mờ còn vài người ngồi, Thuyên dịu lời nói tiếp :

- Các ngài không ở nhà ăn Tết à ? Đi đâu mà sớm thế?

Một tràng tiếng trong trẻo đáp lại :

- Chúng tôi về ăn Tết.

Nhận được tiếng nói Trung Kỳ, hai người mừng rỡ lắm. Đồng đứng sau Thuyên lên tiếng hỏi với :

- Về ăn Tết sao mà chậm thế ?

Sau một dịp cười thẳng thắn, tiếng nói ấy lại ngọt ngào reo lên như trước :

- Chậm còn hơn không, hai thầy ạ.

Thuyên thụt đầu vào nhìn Đồng mỉm cười. Đồng kê miệng bên tai Thuyên nói khẽ :

- Chắc cô này biết chúng mình.

Thuyên lách Đồng xách cây đèn treo, rồi hai người cùng qua bên kia căn ga.

Trên chiếc ghế dài kê khít tường, một thiếu nữ mặc theo kiểu Huế, đang ngồi giữa một giỏ cam, và hai chai rượu.

Thấy Thuyên, Đồng đi qua, thiếu-nữ nhoẽn miệng cười hỏi sẽ :

- Thế hai thầy định ăn Tết ở đây à ?

Thuyên xoa tay, đáp :

- Có lẽ ở đâu chúng tôi cũng không ăn Tết được.

Thiếu-nữ trở mặt nhìn Thuyên ra ý hỏi.

Thuyên mỉm cười nói tiếp :

- Vì một lễ rất dân-dị là đồ ăn mua về không có ai nấu.

Thiếu-nữ đưa tay che miệng cười ngặt nghẽo.

Mấy chai rượu để trên ghế được dịp chạm với nhau nghe rất vui tai. Cười xong thiếu-nữ vuốt lại mấy sợi tóc bay lòa xòa trước trán, hỏi tiếp :

- Thế người nấu ăn của hai thầy đi đâu ?

Đồng bầm Thuyền đi lui rồi chen tới trước đáp :

- Người ấy không đi đâu hết. Nhưng chúng tôi cũng không ăn Tết được.

Không để cho thiếu nữ ngạc nhiên, Đồng nói tiếp :

- Vì sự thật chúng tôi không có người ấy.

Nghĩ một lát Đồng ngập ngừng nói sẽ :

- Vì vậy, nếu không làm phiền cô, vì chúng tôi biết làm thế này là phiền cô lắm, nhưng...

Thuyền ngắt lời nói thật nhanh :

- Chúng tôi muốn nhờ cô...

Nhưng nói đến đây, Thuyền đã ú ớ tìm không ra chữ. Thiếu nữ Huế tươi cười nói tiếp :

- Nhờ em nấu hộ cho hai thầy phải không. Nhưng tiếc, em chỉ biết nấu thức ăn theo cách ở Trung-kỳ thôi.

Thuyên mừng rỡ :

- Có thức ăn Trung-kỳ để ăn.. Tết, thật chúng tôi không muốn gì hơn nữa.

Nói là cúng chơi, nhưng lúc khói trầm tỏa lên khắp nhà và mấy ngọn đèn nến chập-chờn trong bóng tối, Thuyên, Đồng cũng cảm thấy sự đầm ấm thiêng-liêng của những ngày cúng kỵ. Thuyên kính cẩn rót thêm một tuần rượu vào ly rồi nói :

- Không biết lễ vật này mình cúng cho ai nhỉ ?

Thiếu nữ Huế vòng tay nhìn Thuyên đáp :

- Cho những linh-hồn tha-hương chứ gì.

Thuyên cười nói :

- Ô hay, nếu vậy chúng mình lại tự cúng cho chúng mình rồi à ?

Thiếu nữ ra vẻ sợ sệt nói sẽ :

- Chỉ nói đại.

Sực nhớ đến những nén hương không có trên bàn thờ, Thuyên hỏi Đồng :

- Đồng có mua hương đến không ?

Đồng nhìn lên bàn thờ nói :

- Ủ nhỉ ? Đồng vô tình quên mua mà không nhớ.

Thiếu nữ vội vàng đến mở va-lị, lấy thẻ hương ra rồi nói :

- Đã vô tình quên thì nhớ thế nào được. Nhưng em có sẵn đây, hai thầy lấy mà thắp.

Thuyên đem cái máy đóng vé tàu để giữa bàn thờ, bỏ hương vào trong một cái lạch con rồi tươi cười nói :

- Cái lư hương tây trông thế mà đẹp.

Ba người nhìn nhau cố che miệng để khỏi bật tiếng cười.

Một lát sau Thuyên quay lại nhìn thiếu nữ rồi dịu lời hỏi :

- Chút nữa tôi quên không hỏi tên cô.

Thiếu nữ vuốt mái tóc rồi nói :

- Tên em ?

Đồng gật đầu :

- Vâng tên cô, vì đã hơn hai năm, lần này chúng tôi

mới được gặp một cô gái Trung-Kỳ bước chân đến ga này.

Thiếu-nữ vẫn giữ nụ cười trên môi nói tiếp :

- Tên em là Bá Xuân.

Thuyên quên mình đang đứng trước một cô con gái lạ, vỗ tay reo lên :

- Vậy qua năm mới, anh em chúng tôi đã rước được một trăm mùa Xuân vào nhà... ga.

Như hưởng ứng với lời Thuyên, một tràng pháo nổ vang lên gần đấy.

Thiếu-nữ ngây thơ nói tiếp :

Hai anh chó tưởng một trăm mùa Xuân mà thôi đâu. Nhiều lắm cơ, không đếm được ! Vì em là Lê... « les » Bá-Xuân.

Thuyên thấy thiếu-nữ nói chuyện ngây thơ, lại xung hô thân-mật thì sung-sướng vô cùng :

- Nếu vậy thì hôm nay nhà chúng ta đầy nước cả mùa xuân.

Ngay lúc ấy, bên quãng đồng xa, làng Tân-Hiệp, một tiếng còi tàu thét lên vang trong đêm tối. Rồi tiếp đến

tiếng máy đều đều của con tàu ra Bắc.

Thuyên buồn rầu cúi mặt nhìn xuống đất rồi với một giọng đầy nước mắt, nói sẽ :

- Nhanh thật, đón được mùa xuân chưa đầy hai phút thì đã phải tiễn mùa xuân đi rồi.

Cô Xuân đến ngồi trên chiếc ghế dài, hai tay ôm đầu ra dáng cảm động lắm. Một lát sau, cô ngừng mặt nhìn Thuyên, Đồng rồi với một giọng run run, nói thật sẽ :

- Xuân đi chỉ một, còn xuân ở bên hai anh thì nhiều hai anh ạ.

Rồi gượng cười, nhưng hai mắt đã nhòa cả lệ, cô Xuân nói tiếp :

- Vì em có những lê... « les » bá-Xuân.

TÌNH TRONG CÂU HÁT

Một buổi chiều vàng rộng mông-mênh. Trên giòng sông hẹp hai chiếc thuyền như cố theo nhau ráo-riết. Chiếc trước nhỏ, đang mảnh khảnh mình thon chỉ được một cánh buồm nâu hình tam giác. Chiếc sau trông mạnh mẽ, gỗ láng và mũi cao. Phía trước hai cánh buồm uốn phồng thật cong như nuột gió. Hai chiếc thuyền cứ thông thả lướt nhẹ trên giòng sông cách nhau chừng vài trăm thước.

Nhưng trước kia hai chiếc ấy đã cùng đi từ một bến.

Chiều hôm ấy nghe nắng đã bớt màu vàng khe khát, và gió đông nam bắt đầu nổi sau độn cát chùa Quang, anh Đạt từ từ cho lui thuyền ra khỏi bến. Anh đã lãnh được một chuyến khoai khô chở về huyện Quảng. Giữa cảnh hỗn-độn ở bến Bao-Vinh, thuyền sắp ngổ ngang và lái xây đủ hướng, anh Đạt chịu khó lắm mới lần được thuyền ra giữa giòng sông. Ngay lúc ấy anh nhận thấy ở phía xa, gần bến Đá, một chiếc thuyền buồm nâu cũng từ từ quay lái. Đạt mừng thầm, vì được một chiếc thuyền đi cùng sông không khác gặp một người bạn đi cùng đường. Giữa cảnh đêm hôm họ sẽ đem câu hát ra hỏi chuyện nhau cho sông đỡ dài, đêm đỡ vắng. Đó gần như một cái lệ chung của khách thuyền bè sống trên mặt nước.

Câu hát của họ thường do sự biện bạch thật nhanh và thật sáng, tả được chuyện nhà rõ ràng và mạch lạc không kém gì chuyện bông lông. Nhưng đẹp và tươi nhất là câu chuyện tình. Vì về mặt này họ rất thạo. Họ tả một cảnh hồn nhiên, nổi cô đơn của lòng họ. Lắm lúc họ còn mượn cảnh nước mây để câu chuyện tình thêm thanh thú. Từng ấy chuyện họ thu gọn trong câu hò mái đẫy, văng vẳng kéo dài như tiếng chuông ngân quện gió hay rĩ rền như tiếng nức nở của vọng phu.

Câu hát trên giòng sông đã là lối giới thiệu thâm của hai tâm hồn xa lạ, hay mẫu chuyện đời góp nhặt đổi cho nhau nghe. Lệ thường hễ nhiều con thuyền trôi trên sông vắng hay giữa phá dài, là câu hò trao qua đáp lại đã vọng vang ra theo chiều gió. Cũng có khi một chiếc thuyền cô độc lướt nhẹ theo bờ sông, khách thuyền chỉ biết vu vơ thả câu hò ra giữa bầu trời cao rộng. Rồi trên bờ vắng hay giữa sông sương, vài tiếng hò như bắt được tiếng lòng xa vội vàng đáp lại. Người ta cứ thả tiếng hò ra như để làm quen với tiếng hò khác. Và thỉnh thoảng trong bóng tối của đêm giầy người ta lại được nghe tiếng hò năm trước. Tiếng hát từ đó lại đỡ giòn để kể cho nhau nghe sự đổi thay của mấy năm xa cách. Và lắm lần người ta đã khóc thầm vì hy vọng của xa xưa đã tắt hẳn, hay câu hẹn hò năm trước đã bị quên lãng ở giữa cảnh chồng con. Gặp nhau trên giòng sông có khi vài ba canh tiếp, nhưng bỗng đột ngột người ta rẽ

bến xa nhau. Nhưng họ cũng hy vọng chờ và mong gặp nhau trên một phương sông vô định. Vì dầu không biết mặt nhau nhưng giọng hò và điệu tứ họ đã quen nhau rất chặt. Rồi đời này qua kiếp khác khách của mặt nước cũng chỉ biết tìm tình đời trong câu hát giữa giòng sông.

Đạt góa vợ đã lâu, ngày tháng chỉ biết đưa thuyền để nuôi con dại. Vợ Đạt ngày xưa là một cô lái thuyền ở làng Vĩnh-Trị. Hôm ấy trời gió lớn và sắp nổi cơn giông, thuyền Đạt và thuyền Liên - tên vợ Đạt - phải ghé vào bờ để núp sóng. Đã quen nhau từ trước trong câu hát văng trên sông nên lúc gặp nhau Đạt Liên không biết ngượng ngùng gì nữa. Câu chuyện tình liền bắt đầu thủ thủ, trên hai con thuyền tình cò sóng đã thúc lại gần nhau.

Đạt mê man đưa tay qua thuyền bắt tay Liên và chực vuốt mái tóc tơ đang vờn trong gió lạnh. Liên say sưa cúi đầu nhìn mặt nước, đành câm lặng vì không nói được nên lời. Cách hai tháng sau Đạt lấy Liên và lễ cưới đã cử hành trên một nhóm thuyền kết lại. Vì thuyền đã là gia đình của họ, giòng sông là nơi họ qua về, và muôn bến chỉ là nơi ở tạm. Lễ cưới của Đạt Liên, cũng như tất cả người người sống trên thuyền không ngờ đã đơm một tình thơ tươi sáng.

Liên với một nhóm thuyền của bạn bè và thân thích đến đậu trước ở bến nửa làng Vân Vì chính nơi ấy xưa

kia hai người đã gặp gỡ. Ba giờ sau một toán thuyền trên mười lăm chiếc về họ hàng Đạt đến vây đậu chung quanh. Toàn thuyền buôn bán hay làm ăn cả, nhưng hôm ấy họ cũng gắng trang hoàng và dọn dẹp thật sạch sẽ. Giữa đêm họ đem đèn ra thắp chung quanh boong và treo một ngọn đèn khá lớn trên cột buồm, xa trông như một cụm chiến thuyền của thời xa cũ. Họ bày ra ăn uống rất vui vẻ và có lệ hay hay là đổi thuyền nhau để ngồi. Thường họ thắp đèn thật nhiều chứ không đốt pháo. Vì họ cho tốn tiền và cũng không thêm gì được cuộc vui. Nói chuyện đến nửa đêm thì họ dỏ sào giải tán chỉ để lại hai chiếc thuyền của Đạt và Liên.

Trong lúc thấy đám thuyền đèn từ từ xa bến, Đạt tự nhiên vui vẻ cất tiếng hát vọng lên như tiễn biệt. Liên đứng nép bên cạnh chồng nhìn đám thuyền trôi, buồn rầu tiếp theo mấy tiếng « hò » dài nghe náo nức³. Bên đám thuyền kia, người của hai họ đồng cất tiếng hát vang lên một lần như đáp lại. Tiếng hát của hai bên cứ nhỏ dần sau chỉ để nghe mơ màng như tiếng thoảng. Đám đèn xa rồi mờ mãi để lần dần trong cụm sao đỏ phía chân sông. Không biết nghĩ gì Liên tựa đầu trên vai chồng nhìn giòng nước mênh mang thồn thức.

3 Lệ trong câu hò mái đẩy thì một người hát, còn mấy người khác chỉ đưa tiếng « hò » dài như cất đoạn.

Từ đó trên giải phá Tam-giang, hai chiếc thuyền của Đạt Liên cứ kèm nhau theo mãi. Ở với nhau gần ba năm, Liên sinh được một đứa con gái. Nhưng trong kỳ thai sản ấy, Liên bỏ mạng ở nhà thương. Đạt chôn cất vợ xong liền bồng con về sống lại cuộc đời cô quạnh. Giọng hát của Đạt từ đó lẻ bầy, nghe nào nùng như oán khóc. Rồi trong khoảng mấy tháng đầu hễ có dịp chèo thuyền đi xa Đạt lại nổi dây kéo thuyền của Liên đi theo. Trong thuyền ấy chỉ để độc một bát hương khói tỏa ra nghi ngút. Thuyền của Đạt đi đến đâu, người ta liền đổ giong ra bờ đứng xem. Đạt vẫn thản nhiên cất giọng hò lạnh lạnh, gương mặt quá đau khổ đến lạnh lùng như người chờ đám ma. Nhưng sau nghe mẹ phân phải trái, Đạt liền bán chiếc thuyền của Liên đi và giao con gái cho mẹ nuôi.

Đạt đã bót sào muện và nghề làm ăn xuôi ngược đã bắt Đạt quên dần Liên. Nhưng chiều hôm ấy, lúc cho thuyền rời khỏi bến Đạt tình cờ sống lại một cảnh của thời xưa. Trước mặt Đạt một chiếc thuyền ai đang rẽ nước giống hệt với thuyền Liên. Lòng Đạt bồi hồi một cách lạ. Đạt kéo thêm một buồm nữa để đuổi theo và chính Đạt cũng không biết để làm gì. Nhưng thuyền Đạt, mũi lún và đầy khoai nên không thể nào lướt nhanh hơn được. Trái lại chiếc thuyền trước chạy như bay, thấp thoáng trong chiều sương trông như bóng mộng.

Đạt liệu bề không theo kịp liền cất tiếng hát hỏi thăm:

Thuyền ai trôi trước,
Cho tôi lướt đến cùng
Chiều đã về trời đất mang lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ nỗi nùng tiếng sương.

Giọng hát cất lên thật cao rồi hạ xuống từ từ như than vãn như kể lể. Trên lái thuyền đi trước bỗng nổi bật bóng một thiếu nữ mặc áo nổi dài quay đầu nhìn phía sau một lát rồi đáp :

Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông
Thân em là gái chưa chồng
Tơ duyên có chắc như giò nước không ?

Đạt giật mình tưởng như tiếng hò của Liên ngày trước. Vì cũng một giọng hò trong trẻo và hơi dài, câu dứt gọn và đưa xinh như sương tỏa. Đạt nghĩ ngay đến mấy cô lái thuyền làng Vĩnh-Trị, người cùng làng với Liên. Vì tuy khác tiếng khác câu nhưng mỗi làng có một cách hò riêng không sao lẫn lộn được. Và cũng riêng câu hò ở mặt phá là rộng và lan dài, chứ lối hát ở giò sông là câu điệu nghe mùi chớ không thanh thoát. Đạt đã sống nhiều năm ở mặt phá nên phân biệt giọng hò thạo lắm. Đạt còn biết làng nào ở khúc phá hẹp là giọng hò làng ấy ngắn và trong. Còn những khoảng phá rộng lại un

đúc được giọng hò nghe trầm và mạnh.

Chiều này Đạt thao thức trước giọng hò Vĩnh-Trị vì lòng Đạt bàng hoàng nhớ đến Liên. Đồng áng chung quanh tuy đổi màu hay thay nét, nhưng cũng vẫn cảnh cũ đã làm chứng cho cuộc tình xưa. Chiều đã phai bớt màu lam và dần dần tối sẫm. Nhưng giữa mặt sông trời còn sáng hơn làng mạc. Vài ba ngọn đèn dầu thấp thoáng trong hàng cây đen. Thấy bóng thuyền lướt trên sông, một con chó đứng trên bờ nhìn theo sủa lớn.

Hai giờ sau hai con thuyền đã ra đến phá. Trăng đã lên cao sau đồi cát trắng. Hơi nước tỏa ra mặn mặn bốc trong gió mát thổi vi vu. Mặt phá rộng mênh mông lấp lánh ánh trăng vàng trông rất đẹp.

Hai con thuyền vẫn đuổi nhau như cũ, xa trông như cặp nhạn lướt trên hồ. Đạt có vẻ thất vọng nên giọng hát thoang thoảng đưa ra như tiếng thở. Tiếng đáp của cô lái thuyền phía trước có vẻ quyến luyến và ý vị hơn. Đạt kéo giây lèo cho buồm thật căng để lướt nhanh hơn trước.

Qua làng Thế Chi, gà xa xa đã eo ót gáy canh tư. Giữa vùng trời bằng phẳng, lòng Đạt và cô lái không quen đã bắt đầu gặp gỡ. Câu hát đã đổi ra tình tứ, điệu trầm và cảm nghe như tiếng suối vắng rừng khuya.

Giòng phá đến làng Kế-môn dần dần thu hẹp lại để sau cùng chia hẳn khúc ba sông. Đạt đang hồi hộp lo sợ thì chiếc thuyền trước đã quay mũi về phía Kim-long. Đạt buồn rầu nhìn cánh buồm nâu nghiêng mình theo chiều sông như cánh én. Đạt lưỡng lự một chút nhưng bỗng đưa tay đẩy mạnh đòn bành lái cho thuyền xuôi về Đại-lược. Từ thuyền trước một câu hò chia biệt vẳng lên không :

Duyên ngược Kim Long
Tình về Đại-Lược.
Đến đây là chỗ rẽ của lòng
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào.

Đạt muốn hò đáp lại, nhưng tự nhiên thấy ghen ngào trước cảnh biệt ly. Nhớ đến Liên, đến người bạn mới trong đêm, Đạt gục đầu ôm mặt khóc rung rức.

Trong đám sương mờ óng ả trắng, hai chiếc thuyền lẳng lẳng cách và xa gần như rẽ quạt.

TÔI ĐI HỌC

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây ban bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tung bừng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : Hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô hò như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn.

Đọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở thiệt nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi :

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm :

- Thôi để mẹ nắm cũng được.

Tôi có ngay cái ý kiến vừa non nớt vừa ngây thơ này : Chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mỹ-Lý đầy đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi qua làng Hòa-An bấy chim quên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần.

Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng gì khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi trường Mỹ-Lý trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà-Áp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thềm vụng và ước ao thâm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình trơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ chịu theo sức mạnh kéo dui các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa. Vì hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại ruỗi mạnh như đá một quả ban tượng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc trường Mỹ-Lý cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba. Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đang đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng. Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ :

- Thế là các em được vào lớp năm. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng, và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa.

(Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại.)

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò trong lớp ba cũng đưa nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy đã lúng túng chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói :

- Thôi, các em lên đứng đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay của người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lúng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi; trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhẵn nại chờ chúng tôi.

- Các em đừng khóc. Trưa này các em được về nhà cơm mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra đầu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt hiền từ, đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lệ-Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên lăm nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thềm thường nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bầy chim giữa cánh đồng lúa hay bên bờ sông Viêm sống lại đầy rẫy trong trí tôi.

Nhưng tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật. Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lăm bắm đánh vần đọc :

Bài viết tập : Tôi đi học.

BÊN CON ĐƯỜNG SẮT

Đường từ Huyện Sơn-Hải về làng Mỹ-Lý có hai ba ngã. Ngã tiện và gần nhất là con đường mòn đi bằng qua làng Thanh-Ý. Con đường này đi qua một cánh đồng ruộng mênh mông rồi lẩn lút trong đám tre xanh chừng nửa dặm trước khi vượn mình qua sông Phù-Mỹ. Qua khỏi sông thì gặp ngay con đường sắt chắn ngang nên con đường mòn lại nhập với con đường lớn đi thẳng về làng Mỹ-lý.

Bên con đường mòn, dưới bóng một cây bàng cao lớn, một cái quán tranh đã điểm một chấm đen bên lưng đồi sỏi trắng. Cái quán ấy trở mặt nhìn con đường sắt cách xa đấy không đầy một trăm thước.

Ba năm về trước, người ta có dựng lên ở vùng này một cái ga tạm. Nhưng sau nhận thấy khách lên xuống ở ga ấy ít quá nên lại bỏ đi. Thật ra lúc mới dựng ga thì quang cảnh chung quanh không đến nỗi lạnh lùng quá. Lúc nào khách bộ hành cũng qua lại tấp nập, và bao nhiêu đường ở làng Mỹ-Lý đều quay đầu về ga ấy hết.

Dân trong làng thấy ở địa phận mình có cái ga ấy thì vui thích lắm. Họ thường lên xuống để xem tàu chạy và để nhìn những dân mấy làng bên cạnh qua lại ở làng mình. Được thấy những người lạ mặt ấy, họ vui mừng và sung sướng vì họ cho là điểm thịnh vượng của dân

cư và sự vẻ vang của làng nước.

Hồi ấy trong làng có một cô gái bán gạo trông xinh tươi và thùy mị. Cô ta ở một mình với người em trai vì cha mẹ cô qua đời lúc cô mới mười bốn tuổi. Cô ta bán gạo để nuôi em đi học và để trả những món nợ của cha mẹ để lại. Thấy cách bán gạo kiếm tiền không được mấy, nên cô ta dọn một cái quán gần bên ga.

Nghỉ bán gạo ba hôm, cô Duyên - cô ấy tên Duyên - đã rời được cái nhà của cô đem ở khít bên đồi sỏi trắng. Mấy tháng đầu, cô ta buôn bán thịnh vượng lắm. Cô chỉ chuyên bán cơm quán cho những khách lên xuống tàu, nên quán cô ta lúc nào cũng tấp nập người ra kẻ vào.

Tiếng mõ đầu làng mới trở canh ba, cô Duyên đã phải dậy nấu cơm để cho những người đi chuyển tàu bốn giờ sáng. Ngày đêm cô ta chỉ lấy những chuyến tàu qua lại để làm chừng.

Cô ta tiếp đón khách qua đường vui vẻ và chân thật nên ai cũng bằng lòng. Riêng các cô gái trong làng thì không ai ưa tính tình thẳng thắn của cô Duyên. Họ quen ra vào trong những nếp nhà nghi lễ gặt gạo nên họ cho lối tiếp khách của cô Duyên trông không được đứng đắn lắm. Gặp nhau trên con đường đi xuống chợ hay giữa quãng đồng lúa chín, họ thường khúc khích cười rồi bảo thầm với nhau những câu rất khó chịu :

- Được duyên số như cô Duyên thì thà chịu phạt hăm duyên hơn còn hơn.

Một cô khác lấy nón che miệng cười, nói tiếp :

- Các chị em chớ nói đùa ! Trong chị em mình chị nào ế chồng thì lên quán cô Duyên cô sẽ chia bớt chồng cho. Vì quán cô Duyên thì đa nhân duyên lắm đây !

Mỗi lần những tiếng ấy đến tai cô Duyên thì cô chỉ mỉm cười rồi lật đật đi tìm việc để làm chứ không bao giờ cô chịu bận lòng để ý đến.

Một hôm trời chưa tảng sáng, ở trước quán cô có người gọi cửa. Cô lật đật ngồi nhồm dậy rồi đưa hai chân xuống giường sờ soạng tìm đôi guốc. Tiếng gõ cửa càng nghe càng mạnh hơn trước. Cô Duyên vừa lấy diêm thắp đèn vừa tươi cười hỏi bõn :

- Quý khách nào đây ?

Ở bên ngoài có tiếng đáp :

- Quý khách đến mở hàng cho cô đây.

- Vâng cháu sắp mở cửa. Ngài cần dùng gì ?

Tiếng ở ngoài nghe the thé và có vẻ gắt gỏng khó chịu :

- Cần dùng ngủ lại với chủ quán một đêm.

Nhận được tiếng cô Lan, một người bạn gái xưa kia cùng ở một xóm, cô Duyên mừng lắm :

- Cô Lan đây phải không ? Đi đâu mà khuya thế ?

Tiếng bên ngoài lần này đổi ra giọng mỉa mai :

- Vâng, con Lan đây, nhưng làm trò gì ở trong lại để tôi phải gọi rất cả cổ. Hay chị bảo tôi là khách đàn bà... nên chị không tiếp.

Dứt tiếng nói thì tiếp đến tiếng guốc kéo thiệt nhanh đi về phía ga rồi im bật sau hàng thông cao vút.

Cô Duyên biết cô Lan nói mỉa mình nhưng cô cũng không buồn cãi lại. Vì cô chán biết không ai muốn tin đến tấm lòng nhi nữ đã ẩn được thanh bạch trong túp lều tranh mục nát. Nhưng lúc cô vừa đặt mình xuống giường thì tự nhiên hai mắt cô lại chan hòa cả nước mắt. Lần này cô tủi vì đời cô không có người che chở.

Người thường đi lại quán cô ta nhiều bạn nhất là thầy sếp ga. Thầy này cứ ngày hai buổi đến ăn cơm ở quán cô Duyên, còn đêm thì ngủ lại trong ga tạm. Thầy ta tên Truu, tính tình lúc nào cũng vui vẻ và hiền từ. Đến mấy bận ở quán cô Duyên thầy đã đem lại cho cô quán trẻ tuổi lắm ý kiến hay và sáng suốt. Thầy Truu khuyên

cô Duyên nên cho người em trai đi học chữ Pháp vì Hán văn đã mất hết vẻ thông dụng của thời xưa rồi. Cô Duyên lúc nào cũng sẵn sàng nghe lời thầy Truru vì những ý kiến tươi sáng của thầy ta lúc nào cũng kèm theo những ý kiến xa xuôi về cuộc nhân duyên tình ái.

Lửa ái-ân của hai người mới bắt đầu nhóm thì một chuyện không hay bất ngờ xảy ra. Cách ga tạm ở làng Mỹ-Lý ba cây số, có một cái ga lớn ở chính giữa làng Kỳ-Lâm. Dân vùng quê thường tính lợi hại từng li từng tí nên họ không chịu lên tàu ở ga Mỹ-Lý nữa.

Vì chịu khó đi đến ga Kỳ-Lâm thì họ được lợi bốn xu. Vì vậy mà ga tạm ở làng Mỹ-Lý trở nên hẻo lánh và quang cảnh chung quanh cũng mất vẻ sầm uất. Một vài cái quán nước gần ga đã bắt đầu rời đi nơi khác. Qua mùa đông năm ấy, thầy Truru được giấy bỏ vào Nha-Trang. Nhà ga tạm Mỹ-Lý từ đấy trở nên chỗ trú ngụ của bọn dân nghèo khổ. Quán cơm cô Duyên cũng vì thế mà trở nên buồn tẻ.

Nhưng cô Duyên nhút định không chịu dời quán đem về làng. Cô ta đã đoán biết trước những vẻ mặt khinh khỉnh, những lời nói mỉa mai của lắm người không ưa cô ta ngày trước.

Khách bộ hành càng ngày càng thưa thớt dần, nhưng cũng may những người làm ruộng thường ghé lại quán

mua nước hay khoai nên nghề buôn bán của cô Duyên cũng tạm gọi là sống được. Rồi ngày hai buổi, lúc nghe tiếng còi tàu văng vẳng bên đồng xa, cô Duyên lại lững thững đi lên trước sân ga tạm cũ để nhìn tàu chạy. Tiếng máy chạy đều đều của con tàu từ phương xa đi lại đã hòa nhịp với tiếng đập mạnh của quả tim cô. Lần nào cô ta cũng hy-vọng thầy Truu sẽ trở về với cô với cái quán tranh tựa bên đồi sỏi trắng. Nhưng lúc không nhận thấy một mặt nào quen trên chiếc tàu đang vùn vụt chạy, cô ta lại buồn rầu nhìn xuống đất để âm thầm tự hứa sẽ lên ga đón chuyến tàu sắp đến. Trong lúc ấy thì sau lũy tre già, con tàu ngạo nghễ phụt vài lớp khói lên không và thét lên một chuỗi tiếng dài để ra oai với quãng đường muôn dặm.

Qua mùa đông năm sau, giữa một đêm mưa gió dầm dề, cô Duyên chợt tỉnh nghe bên ngoài có tiếng gọi. Cô ta đưa hai tay dụi mắt rồi sờ soạng trong bóng tối để tìm lối đi.

- Cô Duyên ơi ! Cô còn thức hay ngủ ?

Nhận được tiếng thầy Truu, cô Duyên mừng quá run cả người. Cô ta phải vịn vào cột để giữ hơi thở mạnh và để lấy giọng điềm nhiên trả lời :

Thầy Truu đây phải không ?

Bên ngoài tiếng thầy Truu đáp lại hơi run run :

- Phải thôi đây, cô mở cửa nhanh cho tôi vào với.

Tấm cửa tranh vừa mới hé mở thì thầy Truu nhanh nhẹn bước chân vào. Một luồng gió tràn vào mạnh đã làm tắt cây đèn để trên ngà. Cô Duyên loay hoay đi tìm diêm để thắp lại. Cây diêm đã kề ngọn lửa bên bác, nhưng vì tay cô Duyên run quá nên cây đèn vẫn chưa chịu đốt.

Lúc ánh sáng lù mù đã tỏa ra khắp nhà, thầy Truu mới đến vắt cái áo to trên lưng ghế, rồi dăm dăm đứng nhìn cô Duyên không chớp mắt. Gương mặt cô Duyên tuy không tươi bằng trước, nhưng cái duyên xưa, cái duyên mộc mạc trên đôi môi hồng thắm, cặp má núng đồng tiền vẫn còn mơn mớn như đóa hoa hồng buổi sáng. Thấy đồ đạc trong nhà ngổn ngang và đầy bụi bặm, thầy Truu cũng đủ biết cảnh nhà cô Duyên ra thế nào rồi. Biết cô Duyên ngượng vì mình đứng nhìn quá lâu, thầy Truu đưa tay phủi bụi mưa trên cái mũ dạ để tìm vài câu hỏi.

Sau một lúc đứng yên, thầy Truu ngập ngừng lên tiếng trước :

- Độ này cô làm ăn có khá không ?

Được nhịp ngừng đầu lên, cô Duyên đưa cặp mắt nhưng đen nhìn thầy Truru từ đầu xuống chân, rồi e dè sẽ đáp :

- Làm gì mà khá bằng trước được.

Thầy Truru cũng biết mình đã hỏi một câu thừa nên đứng yên không hỏi nữa. Thấy bút nghiên chữ Hán để bên cây đèn, thầy Truru sức nhớ đến người em trai của cô Duyên nên vội hỏi :

- Em Nhàn năm nay lên lớp mấy rồi ?

- Em Nhàn đã trở lại học chữ Hán mấy tháng nay.

Ngạc nhiên thầy Truru hỏi dần từng tiếng :

- Học chữ Hán

- Vâng, vì sách học chữ Pháp bán đắt tiền quá, nhà nghèo em mua không nổi.

Nhận thấy cảnh túng bấn của cô Duyên, thầy Truru ngậm ngùi thở dài, yên lặng. Biết mình vô tình để thầy Truru đứng lâu quá, cô Duyên soa tay tươi cười nói :

- Mời thầy ghé ngồi tạm đã.

Như người tỉnh mộng, thầy Truru giật mình đưa trái cánh tay nhìn đồng hồ rồi nhìn cô Duyên nói khẽ :

- Cô Duyên a, tôi cũng không ngờ đêm hôm nay lại gặp được cô. Vì hôm qua được giấy đổi ra Vinh, tôi phải đáp chuyến tàu suốt đi liền. Nhưng gần đến trước ga tạm Mỹ-Lý, con tàu lại bị chết máy. Thừa nhíp ấy tôi vội vàng xuống thăm cô. Thật tôi không ngờ quán của cô lại còn ở đây.

Cô Duyên nghen ngào nhìn thầy Truu. Cô đang cảm ơn thăm Trời Đất đã bắt con tàu chết máy, thì văng vẳng ở bên đồng xa, tiếng còi tàu lại thét lên trong đêm vắng.

Thầy Truu giật mình cúi xuống vớ cái áo toí rồi tiến đến nắm tay cô Duyên cúi đầu sẽ nói :

- Máy tàu họ đã chữa được rồi. Thôi xin chào cô, ngày gặp gỡ trăm năm xin chờ hôm khác.

Nói xong thầy Truu quay lưng đi ra cửa thật nhanh để dấu hai hàng lệ đã tràn trề trên má, trong lúc cô Duyên đứng chơi vơi nhìn theo với cặp mắt đầm lệ và với tấm lòng tan nát.

Ngoài trời hạt mưa đêm vẫn còn rì rào trong bụi tre gần bên quán. Từ đây về sau, mỗi lần chuyến tàu đêm đi qua trước sân ga Mỹ-Lý cô Duyên lại tưởng trái tim cô ngừng đập. Vì lúc nào cô ta cũng tưởng tượng đến ở máy tàu ngừng kêu, và bên ngoài có tiếng người gọi cửa.

Nhưng sự thật thì con tàu vẫn vùn vụt đi qua giữa những cánh đồng hoang vắng, giữa những đêm mưa gió dầm dề, lạnh lùng và mãnh liệt.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỜI NAY

Khái - Hưng

Hồn bướm mơ tiên — hết
Nửa chừng xuân — hết
Tiếng suối reo — hết
Giộc đường gió bụi — hết
Trống mái — hết
Tục luy — hết
Gia đình — hết
Đợi chờ — hết
Thoát ly — hết
Thừa tự — hết
Tiêu sơn tráng sĩ — 1p.00
Hạnh — 0p68
Những ngày vui — 0p75
Đẹp — 0p90

Nhất - Linh

Đoạn tuyệt — hết
Tối tăm — hết
Hai buổi chiều vàng — hết
Hồi bạn — hết
Lạnh lùng — 0p50
Bướm trắng — 0p85

Khái-Hưng và Nhất-Linh

Đời mưa gió — hết
Anh phải sống — hết
Gánh hàng hoa — hết

Thạch - Lam

Gió đầu mùa — hết
Nắng trong vườn — hết
Ngày mới — hết
Theo giòng... (loại nắng mới)
sắp in

Tú - Mỡ

Giòng nước ngược I — hết
Giòng nước ngược II — 0p70

Hoàng - Đạo

Trước vành móng ngựa — hết
Mười đầu tâm niệm — hết
Con đường sáng — 0p50
Tiếng đàn — 0p75
Sổ phận (sắp in)

Thế - Lữ

Bên đường thiên lôi — hết
Lê phong phồng viên — hết
Mai hương và Lê phong — hết
Mấy vần thơ — sắp có bán
Vàng và Máu — 0p68
Gói thư c lá — 0p70
Giò ngàn (sắp in)

Huy - Cận

Lửa thiêng (thơ) — 1p00

Trần - Tiêu

Con trâu — 0p80
Chồng con — 0p90

Nguyễn - Hồng

Bỉ vỏ — hết
Những ngày thơ ấu — 0p60

Thanh - Tịnh

Quê mẹ — 0p65

Đoàn - Phú - Tứ

Những bức thư tình — hết
Mơ hoa (sắp in)

Bùi - Hiền

Năm và (sắp in)

Mạnh - Phú - Tư

Làm lễ (giải thưởng T. L. V. Đ.
1939) — hết
Gây dựng (dương in)

Cô Anh - Thơ

Bức tranh quê (giải thưởng
khuyến khích về thơ do T. L.
V. Đ. tặng) — 0p80

80, QUAN THÁNH, HANOI